

NAM NHẠC TỔNG THẮNG TẬP

QUYỂN TRUNG

1. LẦN LƯỢC NÓI VỀ CÁC ĐẠO QUÁN VÀ CHÙA PHẬT

* *Chân Quân quán.*

Chân Quân quán tức từ Thuyền đức quán về phía Đông cách 50 bộ, tức là Quán của Cửu thiên nam thượng tử quang khách hoa xích đế thái hư chú sinh Chân quân. Vốn đó là Chân quân miếu tại các cửa trong đền thờ nhạc.

Trong khoảng niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời tiền Đường. Tư Mã Thừa Trinh tấu trình nói rằng: “Các Động Thiên ở Ngũ nhạc mỗi mỗi đều có Thượng Chân quản trị, không thể thiết bày các thứ máu huyết đồng cúng tế thần”. Thánh chỉ vui mừng sáng lập thanh cung, phạm đến ngàn Lập hạ, trước nên thiết trai thanh khiết, ban sắc quan tước các châu đến tế ở Quán ấy và độ 50 Đạo sĩ đốt hương tu luyện. Năm Khai Nguyên thứ 5 (717) thời tiền Đường, Minh Hoàng Chế Kinh Ngũ Linh nói rằng: “Giúp quản trị gồm có 9 người, theo quan lại phải hơn 300 người, giúp phòng vệ nha quan có 300 người, đến chỗ đất vì nước nhà cầu chân thỉnh phước”. Theo “Thượng Chân ký” nói là: “Thái Hứ Chân Nhân Lãnh Nam thượng Ty mạng tức Xích Đế vậy”.

- Tiềm sơn Ngụy quân (xung) làm Phó trị
- Hoắc sơn Hàng quân (chúng) làm Tá trị
- Hoắc Lâm sơn Hứa quân (ánh)
- Đan Hoắc sơn Chu quân (tử Dương)
- Kim Hoa sơn Hoàng quân (sợ Bình)
- Nam Hoắc sơn Trịnh quân (Ẩn)
- Thiên Trụ sơn Nguyễn quân (Ngạo)
- Tử Hư Nguyên quân Ngụy phu nhân (Hoa tồn)
- Xung tịch nguyên quân ma cô.

Bên Hữu đều là ty của Quân Tá Mạng, đất của Ngô, Việt, Sở, Thục phải do bản ty coi xét. Đến trong niên hiệu Thuần Hóa (990-995)

thời Bắc Tống mới cải đổi là Chân Quân quán. Đến trong niên hiệu Đại trung tường phù (1008-1017) thời Bắc Tống, vua Chân Tông (Triệu Hằng) ban sắc bản ngạch của Quán. Xưa trước, năm Khai Nguyên thứ 6 (718) thời tiền Đường, Thượng đế giáng ban Chân Quân. Một mình chứa ngọc xua đuổi Tà tướng trạng như kiếm, dài 3 thước, rộng 4 tấc. Ngọc văn như ráng mây, thẳng ngay nhỏ nhiệm như kiếm bén. 1 Đạo Ngọc sách dài hơn 1 thước, rộng 6 tấc, có Triệu văn viết rằng: “Ngọc sách của Đạo Quân”. Có 2 ấn văn ghi là: “Ấn của Tam Thiên Thái Thượng” đều khắc lối Văn Triệu. Hoặc có người nói Bản ngọc sách xưa trước đắp ở cánh tay Chân Quân. Dùng gỗ đàn hương khắc chạm để lưu truyền đời sau. Có 1 chiếc ấn ngọc vuông rộng 5 tấc có 8 góc, viết rằng: “Chú sinh Chân Quân ngọc ấn” cũng viết theo lối văn Triệu, nay đều hiện còn. Hoặc có thuyết nói là: Đó là Triệu văn của Tư Mã Thiên sử vậy. Triều đình ngày nay giáng đến Hỏa linh ở 1 đỉnh đầu, dùng vàng lót để nghiêm sức. Tiềm Chân Quân và Hoắc Chân Quân, Ngọc Quân nhai 2 mặt đều có. Trong triều đại Bắc Tống, các vua Thái Tông (Triệu Quýnh 976-998), Chân Tông (Triệu Hằng 998-1023) và Nhân Tông (Triệu Trinh 1023-1047) Ba Thánh ngự thư sắc vàng văn hiện còn. Tháng 3 năm Đại Quán thứ 2 (1108) thời Bắc Tống, vâng phụng sắc chỉ tạo dựng điện Nguyên Thần, tức là điện Tập Phước tại trong Quán, phía trước có cửa Ngọc thanh kim khuyết. Mỗi năm vào dịp tháng 6 sinh thần, và 2 dịp cúng tế mùa xuân mùa hạ đều từ kinh đô giáng ngự danh từ biểu thị đến đó để cúng tế. Mỗi lúc đốt ngự hương 6 lượt 2 lần cầu chúc Thánh thọ, ân ban 1 Đạo tử y. Thật là nơi cầu phước của nước nhà vậy. Nêu Giang Lăng Quân có lưu lại bài thơ đề về Chân Quân quán, toàn bài là:

*“Điện kín cao vợi, tía khoảng không
Động tiên sâu lắng các Chân Quân
Lúc lông sương xuống Chu Lăng Hạc
Thê vàng còn xét nét bút xưa
Gió phẩy đàn ngọc diềm tha thước
Mây về non tím kiệu vụt bay
Khói trúc giăng lười trắng gói trọn
Một luồng suối lạnh súc bích cừ”.
Tại Chân Quân quán có 6 văn bia:*

- Chú sinh Chân Quân bia (năm Khai Nguyên thứ 20 (732) thời tiền Đường, do Hàng Châu Tư Mã Triệu Di soạn, Tiêu Thành ghi).
- Di Kiến Hoàng Đế Bản Mộng bia (tháng 3 năm Đại Quán thứ 2

(1108), Thông Trực Lang Quyền Đàm Châu Thông Phán Kiêm Quân Châu Sự Triệu Khiên soạn văn và ghi viết dựng lập.

- Ngự chế Hoa Đạo văn
- Tổng Tuyên Hiếu Thi
- Triều Hiền Tống Đan Đại sư Thi Thạch
- Nam nhạc tạp thi.

*** *Hành Nhạc quán.***

Hành Nhạc quán tại dưới phía Nam núi Tử cái, ở trước núi tử tiêu. Năm Thái Khang thứ 8 (287) thời Tây Tấn, có người đất Ngô là Từ Linh Kỳ, Tân Dã tiên sinh Đặng Úc Chi khai quật nền móng điện Vương Mẫu xưa cũ mà tạo dựng. Trong niên hiệu Nguyên Gia (Vĩnh Gia 307-313) thời Tây Tấn, Hoài Đế (Tư Mã Sí) ban sắc biển ngạch là Hoa Tẩu Quán. Đến thời nhà Lương lại cải đổi là Cửu Châu Quán. Nền Trương Tá Nghiêu có bài thơ đại khái là:

*“Đời Tấn gọi Hoa Tẩu
Đời Lương kêu Cửu Chân
Cửa cung từng đổi ngạch
Cửa động chẳng dời xuân”*

Là ấy vậy. Người trú trì tức Chu Tĩnh Chân là thầy của vua Võ Đế (?). Lòng vua mong cầu thượng thiện nên luôn thân gần đi quanh phòng vàng bái yết Nguyên Đô ấy. Như Hiên Hậu đến kính bái Không Đồng, Hán Hoàng tham lễ Hà Thượng, khác đời mà đồng thời vậy. Vâng phục sắc ban trang điền gồm 300 hộ dân để sung lo có nghiệp. Đến năm Đại Nghiệp thứ 8 (612) thời nhà Tùy, cho đến đời vua Cao Tổ (Lý Uyên) thời tiền Đường, ban chiếu thỉnh mời 2 Pháp sư Thái Pháp Thọ và Lý Pháp Siêu đến làm chủ quán và lo việc đốt hương tu luyện, mở mang hoàng truyền giáo pháp, tất cả mọi thứ ruộng lúa kho phủ mọi vật v.v... ở Hàng châu đều cung cấp vào Quán để làm vật dụng. Đến năm Trinh Quán thứ 2 (628) thời tiền Đường, vua Thái Tông (Lý Thế Dân) lại viết biển ngạch, ban chiếu mời Trương Huệ Minh Thiên sư độ 49 vị Đạo sĩ để lo việc đốt hương tu luyện. Đến năm Hoàng Đạo thứ 2 (684) thời tiền Đường, vua Cao Tông (Lý Trị) lại ban sắc chiếu mời Diệp Pháp Thiện Thiên Sư, và phong vực địa phương chung quanh Nam nhạc trong khoảng 40 dặm đều sung vào Quán, làm xứ đất Trường sinh, cấm không được chặt phá hái củi, săn bắn muôn thú, giao vào Long Hiến tốt đẹp khuôn phép thường lệ. Từ trong niên hiệu Khai Hoàng (581-601) thời nhà Tùy, lại đã cải đổi là Hành Nhạc quán, về sau gặp binh lửa hủy

hoại. Đến đầu niên hiệu Thiên Hựu (904-907) thời tiền Đường, Phủ Chúa Lệnh Công lại tạo dựng lại đó. Đến trong thời Bắc Tống, các vua Thái Tông (Triệu Quýnh 976-998), cả 3 Thánh ngự thư nhuần nhã văn bia bằng vàng báu. Mỗi lúc xông đốt ngự hương cầu chúc Thánh thọ, cũng là nơi cầu phước của nước nhà. vua Chân Tông (Triệu Hằng) ban sắc sai Xung Tĩnh Thiên sư Đan Duy Nhạc đến trú trì, đề cử nhạc môn cung quán, kiêm lo việc hương hỏa. Về sau vâng phụng sắc chỉ cải đổi làm Giáp ất, bắt đầu từ đó. Nền Tể tướng Vương Khâm tiến đưa Đan Đại sư về núi có làm bài thơ rằng:

*“Ngọc thư vọt ngự giáng Thân châu
Lầu quán đài sơn chọn Đạo lưu
Hang cốc khó giấu tánh vượn hạc
Ngâm nghĩ trọn nhớ nước mây sâu.
Chiều hẹn vượt tuyết đến Tiêu tương
Hải thuốc men khe nương thuyền nhỏ
Chợt đến đất Sở nhớ tình quê
Mười năm người vật nửa nổi chìm”.*

Đến năm Tuyên Hòa thứ 6 (1124) thời Bắc Tống, lại y chuẩn ban sắc tạo dựng điện Hạo Thiên, đổi sắc Hành Nhạc là Thuyên Đức Quán. Từ năm Tuyên Hòa thứ 3 (1121) thời Bắc Tống được sắc chỉ miễn thuế 2 loại thuế của Đạo nghiệp. Đến trong niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Thái Thượng Hoàng Đế (Cao Tông - Triệu Cầu) ban sắc ngự thư “Hoàng Đình Nội Cảnh kinh” 1 quyển, pháp thiếp (Diệp) 9 quyển. Tại quán, ở trong Bạch Vân đường có an trí tôn tượng Bảo sinh thiên tôn bằng đồng. Trong niên hiệu Hàm Hanh thời nhà Tấn (?), chú đức Điền Lương Dật tiên sinh ở Ngự thư các tại Vô Cực đường, Lưu Quảng Thành tiên sinh ở Giáng Chân đường. Châu Đường lâu trông xem các đổ dòng nước quanh hiên. Trước Quán về vách phía tả cách 200 bộ, trên đỉnh Long sơn có nơi Mao Sĩ Hải người xứ đất thực sống vào thời nhà Đường nhà Tống đắc Đạo. Phía sau quán, trên chùa sơn xưa trước có am của Duẫn Chân Nhân, Đàn châu thiên kính lễ tinh Đẩu, Đình Giá Hạc. Chân Nhân vốn dòng họ Duẫn, húy là Đạo Toàn, người xứ Thiên thủy, tu theo Đạo của Động Chân Hoàn Thần, mang phù Ngũ đế lục giáp tả hữu linh phi. Thiên tiên giáng đến mà bảo cùng rằng: “Người bay lên phải có tài quý và sau mới thành Đạo đó. Xưa kia vua Võ Đế thời nhà Hán thu gom thọ nhận 12 Linh phi của kim mẫu và Ngũ nhạc chân đồ hình mới được thoát giải thay, mà chưa thể khiến hình cốt đều cùng bay. Nay ông có được 1 mà có ước mong bay lên trời,

há chẳng do tích công có phần xưa trước mà được gặp ư?”. Đạo Toàn nói rằng: “Tôi học chưa từng được nghe, xin chỉ bày cho biết tiêu mục của 12 sự”. Thiên Chân bảo: “12 sự là:

- Một là phù của Ngũ Đế lục giáp tả hữu linh phi
- Hai là văn của Thái nhất hỗn độn Đông mộng
- Ba là phù của Bính Đinh nhập hỏa cửu xích bang
- Bốn là văn lục của Thái âm lục đỉnh thông chân độn linh ngọc nữ
- Năm là sách của Lục Mậu thái dương chiêu chân thiên quang sách tinh
- Sáu là quyết của Lục Ty thạch tinh kim quang tàng cảnh lục hình
- Bảy là luật của Lục Canh tố chiêu nhiếp đầu
- Tám là pháp của Lục Tân trí hoàng thủy nguyệt hoa
- Chín là Tám thuật Nhâm quý lục độn ẩn địa
- Mười là Tý ngọ mao dậu 8 bảm 10 quyết 6 hư oai nghi.
- Mười một là Sửu dần tuất mùi Địa chân khúc tố quyết tử 3-5 thuận hành
- Mười hai là Dẫn ty thân hợi tử độ viêm quang nội thị trung ương.

Và Ngũ nhạc chân hình đó là:

- Một là Ngũ nhạc sơn phù an trấn phương nhạc, hịch chiêu vạn linh thái thượng chân văn.
- Hai là Ngũ nhạc sơn chích, thần tiên giãm xéo xoay đảo cảnh cúi nhìn núi sông, tả về hình thế khúc chiếc cuộn bàn mỏng nhạt nơi đất.
- Ba là Ngũ nhạc sơn hình, tức lấy nơi chỗ đỉnh núi tròn cao vút có các động thất, nơi sản sinh các loại cỏ linh chi thần, số lượng cao thấp thước trượng đẳng cấp, hạn định Đông Tây Nam Bắc làng nhà.
- Bốn là Ngũ nhạc sơn cốt tức lấy chỗ phân cành nhánh hình tượng cốt thể, nơi sinh khởi trên thì pháp tinh văn dưới thì chủ nhân sự.
- Năm là Đồ hình của Ngũ nhạc sơn thủy huyết quán, tức lấy chỗ xuất sinh dịch suối, nơi ẩn tàng vật báu vàng bạc, nơi mạch đất lưu thông mà làm Đồ hình.

Chủ Phù đồ lại binh quan phụ thuộc mỗi mỗi có vài vạn người. Ngũ nhạc bao gồm 360 núi lớn, 1.200 núi nhỏ, đều liệt bày tiên tào chức tể có thể gọi là đông nhiều vậy. vua Võ Đế tuy được pháp đó mà không có khả năng chuyên tinh hành giới, chung cùng vui võ ham binh tự phá hủy phước đó nên chẳng được đồng công như Hoàng đế. Nay ông gặp

đây mới biết là con cháu của văn thi, thuộc tông tộc của Thái hòa, ở đời chỉ có người này vậy. Ta sẽ cùng ông mong lên cửa thanh vào trong Thái hư vậy!” nói xong Thiên Chân bèn đi.

Đến ngày mồng 09 tháng 03 năm Vĩnh Gia thứ nhất (307) thời vua Hoài Đế (Tư Mã Sí) nhà Tây Tấn, bỗng nhiên có mây trắng nổi hiện trong phòng thất của Đạo Toàn chân nhân, suốt 3 ngày không tan. Đến lúc đã tan, vào trong xem, không thấy chân nhân đâu cả, chỉ nghe có mùi hương xông ướp vào người. Đến năm Trạng Hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, Huy Tông Hoàng đế (Triệu Cát) ban sắc hiệu là “Thông chân quán Diệu chân nhân”. Tri Đàm Châu Trương Mậu Tông có lưu lại bài thơ đề về “Hành nhạc quán” là:

*“Núi Linh nhạc trước đến Quán xưa
Trong đây đâu khác cung nhị châu
Năm mây tiên khách hình đều khác
Mười động khói hoa cảnh chẳng đồng
Luyện thuốc lò hương khí vàng đá
Đàn tế tinh lạnh gió lay năm
Nhân nghe Đại đạo tu chân quyết
Thuốc tác ba thanh đường có thể lên”.*

Tại Quán Hành Nhạc có 6 văn bia:

- Cửu Châu Quán ký (do Vương Tiêu Vĩ ở Tương Đông thời nhà Lương soạn thuật).
- Bia Hà Tôn Sư đắc Đạo (do Hàng Châu Thái Thú Tô Vụ Liên soạn thuật thời tiền Đường).
- Bia Quảng Thành Tiên sinh thần đạo (do Hàng Lâm Thừa Chỉ Tiêu Nghiệp soạn thuật, Thái tử Thiếu Phó Trí Sĩ Lô Phan ghi).
- Ân Chân Khản Điền tiên sinh ký.
- Quảng Thành tiên sinh nội truyện (do Lại Bộ Thị Lang Triệu Lỗ soạn thuật).
- Trung Thư Xá Nhân Vương Hựu tặng Đạo sĩ Suất Tử Thi (do Đông Pha Cư sĩ Tô Thức làm bài ký và ghi).

*** Chùa Thắng Nghiệp.**

Chùa Thắng Nghiệp tại vách phía Đông của miếu. Xưa kia gọi là chùa Thánh Dung. Hoặc có thuyết nói là: Thời nhà Hạ, Võ Đế xây dựng cung Thanh lãnh để kính phụng an trí tôn tượng Ngu Thuấn (Thánh Dung tức là Thánh tượng vậy). Đến thời vua Võ Tông (Lý Viêm 841-847) thời tiền Đường, bèn phá hủy. Mã thị y cứ có Hồ Tương có chương cáo, phu nhân Dương Tử Oánh cúng thí tiền xây dựng lại, cải đổi làm

thành chùa Báo Quốc. Theo “... ký” nói là: Đó là cung xưa cũ của thời Hạ Võ vậy. Đến trong niên hiệu Chánh Hòa (1111-1118) thời Bắc Tống, lại cải đổi làm cung Thần tiêu, về sau lại thay đổi làm chùa. Ở phía Tây nhà ngủ có ngôi am tên là Võ Bách, giữa khoảnh sân tuy rộng, mà chỉ 1 cây bách che phủ khắp. Phía sau lại có Duyệt Đình, mặt núi bao quanh như tường lừng, đề thơ ngâm vịnh cũng lắm nhiều. Tăng sĩ ở đó có Sa-môn Văn Chánh có 4 câu thơ rằng:

*“Chim núi không tiếng phàm
Mây núi chẳng đáng tục.
Dẫn dắt thiên Bạc đầu
Luôn luôn cậy gậy lê”.*

Ở phía Đông có đình Lão Mẫu, hiên chân như, đều thuộc loại nhã chuộng. Xưa trước, chùa không có nguồn suối, Sa-môn Văn Chánh nhân đi trồng cây sam, phỏng tìm dò theo hang cốc có được 1 mạch nước tuôn chảy thành suối, mát ngọt rất đượm ích với mùi vị trà. Lấy ngay nền móng xưa cũ của thời Hạ Võ mà tạo dựng ngôi đình trên đó, lấy làm nơi thuyên duyệt.

Chùa vốn có ngự thư. Đến đầu niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976) thời Bắc Tống mới ban sắc biển ngạch như hiện ngày nay. Bảo Chân cư sĩ khu mặt chiếc công Ngạn chất có lưu lại bài thơ rằng:

*“Cung xưa còn vết Võ
Thắng Địa thuộc chùa Tăng
Miếu cũ Tùng che phủ
Đình râm bóng trúc đầy.
Đánh mây hợp ngâm thưởng
Núi chim ồn trong Đình
Xua đuổi thành kinh khác
Lòng không khách tặng đường”.*

Tại chùa có Liễu Tử Hậu ở thời tiền Đường soạn thuật về văn bia thứ 2 của Hòa thượng Di Đà, gồm tự khắc ghi theo lối chữ Triệu. Đến thời nhà Tống chúng ta có Khương Túc Công Trần Công Nghiêu phỏng hỏi chỉnh sửa ghi vào tảng bản.

*** Chùa Cáo Thành.**

Chùa Cáo Thành xưa kia cũng gọi tên là Hành nhạc. Năm Nhân thọ thứ nhất (601) thời nhà Tùy, vua Văn Đế (Dương Kiên) đem xá-lợi Phật phân đặt ở các quận, khiến tạo dựng tháp để tôn thờ, có cả thảy 30 nơi. Tại Nam nhạc tức xây dựng tháp ở chùa Hành nhạc. Ngày 23 tháng giêng năm Nhân thọ thứ 2 (602) thời nhà Tùy, bắt đầu sứ giả nghinh

thỉnh đến các đường, vua ban sắc lấy giờ Ngọ ngày mồng 08 tháng 04 năm đó tức đồng 1 loạt các nơi đều an táng, và đó là 1 trong nhiều nơi vậy. Theo Mã Thị gọi đó là Phước. Đến năm Nhân thọ thứ 5 (605) thời nhà Tùy, mới xây dựng phòng nhà tháp lầu, chỉ thành tựu 1 ngôi chùa. Đến trong niên hiệu Đại Trung Tường Phù (1008-1017) thời Bắc Tống, Đông Phong cải đổi lại biển ngạch chùa như hiện ngày nay. Phía sau, đi lên núi có tảng đá lớn cùng nặng hình tượng uyển nhã như hình mài cọ, tương truyền đó là Đại Hòa thượng Tư (Tuệ Tư?) cảm hóa được quỷ nên vì mài hương, nay trong núi đó có hương suốt lũ, bởi sót trông lại vậy.

*** Chùa Hành Nhạc.**

Chùa Hành Nhạc tại dưới núi Tập hiền, cách miếu 1 dặm về hướng Tây bắc. Năm Thiên Giám thứ 2 (503) thời Nam Lương, xây dựng Đạo tràng của Tôn giả Huệ Hải. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Thái Tông (Triệu Quýnh) ban sắc lấy biển ngạch xưa cũ làm biển ngạch chùa. Phía sau có am Thiện quả là nơi Thiên sư Hải Thê an nghỉ, suốt bay trúc dài tống đá cây quái lạ đặc kỳ. Xưa kia Hòa thượng Lãn Toàn thường ẩn tại đó cùng gặp Lý quý cốt. Thái tông Hoàng đế (Triệu Quýnh) thời Bắc Tống ban sắc ngự thư. Trong chùa có văn bia Thiên sư viện Luật do Đường hoàng phủ thực soạn văn, Liên Châu Thứ sử Vương Hủ viết khắc. Hàn Dũ thời tiền Đường có bài thơ nghỉ lại qua đêm tại lầu cửa chùa Hành nhạc, đại khái là:

*“Tử cái, Thiên trụ núi liền nhau
Thạch lẫm, Chúc Dung thẳng ném đôi
Rậm rợp rừng mình xuống ngựa bãi
Tùng bách một ngành đến linh cung”.*

Trước chùa có văn bia của 5 ngôi chùa do Đường Lý Tồn soạn, La Trung lập 8 phần sách, 5 ngôi chùa đó là: - chùa Bát Nhã, - chùa Nam Đài, - chùa Vạn Thọ, - chùa Hoa Nghiêm và - chùa A-di-đà. Ở phía Tây có am Văn-thù. Xưa kia, Chu Đạo tu hạnh Đầu đà, chứng đắc sức định tam muội, trở lại biết được tâm ý của người. Người thời bấy giờ không ai dám khinh hoặc. Ngày nay con đường lớn đi đến núi được cắt xẻ đá thuận tiện cho mọi người qua lại, đó là sức của Đạo vậy.

*** Chùa Tịnh Nghiêm.**

Chùa Tịnh Nghiêm ở góc Tây bắc của miếu, cách khe nước ngầm, gần chùa Tây thiên, tạo dựng trong khoảng niên hiệu Hàm thông (860-874) thời tiền Đường. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-

984) thời Bắc Tống, mới lấy theo biển ngạch cũ mà sắc ban. Trước kia (1004-1008) thời Bắc Tống, có vị Tăng an tọa bỗng thấy từ trong đất có tỏa phóng ánh sáng vút cao hơn 1 trượng, mới đào bới tại chỗ đó, có được 7 tôn tượng Đức Phật. Đến nay sắc màu vẫn mới đẹp như xưa cũ vậy.

*** Chùa Tây Thiên.**

Chùa Tây Thiên cũng ở tại phía Tây bắc của miếu, không thấy khắc ghi gì về sự tạo dựng mới đầu. Chỉ thấy đến trong niên hiệu Thiên giám năm thứ 3 (504) thời Nam Lương mới tu sửa lại, và cũng không nêu bày những tốt đẹp gì khác. Bên trong có 2 cây thụ lữ thụ liên, chim bay chằng dăm ghé đậu. Nói là có Đạo nhân ở nơi mỗi cây, nên chim muông lánh né đó. Lưu Hưu quán xét mà có lời thơ rằng: “Lầu điện chẳng dạy chim đậu đêm” là đó vậy.

*** Chùa Hoa Nghiêm.**

Chùa Hoa Nghiêm, là từ miếu theo hướng Tây bắc leo lên núi cách chừng 3 dặm. Trong khoảng niên hiệu Đại nghiệp (605-617) thời nhà Tùy, có Cao tăng Huệ Điều chuyên giảng kinh Hoa Nghiêm, có lúc Đồ chúng ít đến, Huệ Điều mới sắp chất đồng đá trước mặt mà bảo rằng: “Các người có phải là đệ tử của Ta chăng?”. Các tảng đá đồng gập đầu. Đến trong thời vua Thuận Tông (Lý Trọng 805-806), mới đến chỗ đất đó mà tạo dựng chùa lấy biển ngạch là chùa Hoa Nghiêm. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Thái Tông (Triệu Quýnh) lại lấy theo biển ngạch xưa cũ mà sắc ban.

*** Chùa Vân Cư.**

Chùa Vân Cư, tức từ miếu về hướng Tây bắc leo lên núi cách khoảng 7 dặm, do Mã Thị tạo dựng, có đình ngưng bích, thế mặt cao vút, trông nhìn xuống khắp cảnh vực của Nam nhạc thấy khắp cùng tất cả, là nói đến dừng nghỉ của các du khách. Người thời xưa trước ngâm vịnh rất nhiều. Chỉ có Tất Điền nói là:

*“Bốn mặt núi sắp lớp trùng
Hang xưa sâu thẳm chốn lạnh không
Thu trong riêng tựa hiên cao đứng
Lưu ly thế giới, thân ở trong”.*

Và Liệu ngưng cũng có đôi câu đối rằng:

*“Nước xa nhỏ tràn dẫn trước núi
Lần lượt khiến người xem thán phục”.*

Chùa bị phế hoại đã lâu, gần đây mới được xây dựng lại. Trên tảng đá phía trước chùa có dấu vết trâu nằm, theo “Cựu ký” nói là: Dấu

vết trâu vàng nhưng có thể nhìn thấy. Phía dưới tầng đá ấy có bậc thêm đá hơn trăm cấp. Trong khoảng niên hiệu Khai Hoàng (581-601) thời nhà Tùy, do Tăng sĩ Thần cũng đục mở nên. Gần đây lại tạo dựng cầu mở mang phòng ốc lan can để tiện leo trèo lên nhưng nay cũng đều đã bị hư hoại, nên Mao Lý Từ có bài thơ vịnh về cầu đá đại lược là:

*“Riêng lên thang mây ba trăm cấp
Xoay nhìn cười thỏa muôn núi thấp”.*

Lại còn gọi đó là chùa Thạch Kiều, phía trước có đường đi lui, sườn mé đường đi rất cao hiểm. Người đến đó phải dốc hết lực mới lên nổi, nhân đó mà gọi tên như vậy. Xưa trước có bậc Hiền giả làm bài thơ chưa thành câu rằng:

*“Người đi phải nỗ lực
Thắng cảnh tại non mây”.*

*** Chùa Nam Đài.**

Chùa Nam Đài nằm tại phía Bắc miếu leo lên núi cách khoảng 10 dặm. Trong khoảng niên hiệu Thiên giám (502-520) thời Nam Lương, có cao Tăng Tôn giả Hải Ấn vui thích thế đất linh cảnh nói ưu tú ấy nên dựng lập am tranh mà ở. Lại đến đầu niên hiệu Thiên Bảo (742) thời tiền Đường, có đệ tử của Lục tổ là Thiền sư Hy Thiên đến phía Nam chùa thấy có tảng đá tướng trạng như Đài mới dựng am mà ở đó, nên chùa mang tên hiệu là Nam Đài. Trong văn bia do Ngự Sử Lưu Kha ở Thánh đế soạn thuật đều có nói vậy. Sau khi Thiền sư Hy Thiên thị tịch, bèn tạo dựng tháp tại góc chéo của núi, để thụ hiệu là “Vô tế kiến tướng”, có 2 văn bia vẫn hiện còn, do Bùi Hưu ghi viết chữ khắc họa bền chắc cứng mạnh. Có thuyết nói không phải do Bùi Hưu ghi viết, nhưng cũng rất khả quan. Bàng Cư sĩ từng đến đó thỉnh hỏi điều lợi ích nơi Thiền sư. Phía dưới điện có tảng đá là nơi Đan Hà xuống tóc. Lại có tảng đá gọi là Phi La-hán. Ở đời tương truyền là do thần vận chuyển đến dựng nên, nay nền móng di tích vẫn hiện còn. Hòa thượng Thạch Đầu trước tác bài ca “Tham đồng khế thảo am” (thăm am tranh của bạn), Thiền sư Thiện Viên khắc ghi vào đá. Phía Tây chùa có dòng suối ngọt, nước chảy đến tận nhà trù nên gọi đó là ao rửa bát. Đến trong thời Bắc Tống, các vua Thái Tông, Chân Tông và Nhân Tông cả 3 Thánh ngự thư có hơn trăm quyển. Có Thạch Man Khanh viết 4 chữ “Thích-ca Văn Phật” trên sườn đá phía trước chùa. Đàm soái Trương Mậu Tông có bài thơ rằng:

*“Khói nắm nơi sâu, chùa Nam Đài
Cảnh tượng nhìn lại đất cao thay*

*Xẻ đất ai mở đến trên động
 Tầng lầu người gát nửa sườn nguy.
 Cầu đá qua nơi vài ngàn nhận
 Đường tùng lúc đi mấy vạn lần
 Đến đây, tâm sinh ngoài thanh tịnh
 Dầu non nhàn thấy khỉ vượn đùa”.*

*** Chùa Phước Nghiêm.**

Chùa Phước Nghiêm tại phía Bắc miếu leo lên núi cách khoảng 15 dặm, là 1 ngôi Thiền sát (chùa viện) đứng đầu trong Nam nhạc. Trong niên hiệu Thái sơ (1) sắc ban biển ngạch như hiện ngày nay.

Trong Thánh đế, có Thiền sư Hoài Nhượng dựng am ở nơi nền móng xưa cũ của Hòa thượng Huệ Tư. Có Hòa thượng Đạo nhất tọa thiền bên cạnh đó qua thời gian lâu, Thiền sư Hoài Nhượng sang đó nắm gạch cọ mài để khơi động, Hòa thượng Đạo Nhất hỏi rằng: “Ông mài gạch để làm gì?” Thiền sư Hoài Nhượng đáp: “Mài gạch làm gương soi”. Hòa thượng Đạo Nhất bảo: “Gạch làm sao làm thành gương soi được?”. Thiền sư Hoài Nhượng nói: “Gạch đã không thể làm thành gương soi, vậy tọa thiền sao có thể đắc đạo?”. Hòa thượng Đạo Nhất lấy làm lạ đó mà nói rằng: “Vậy rốt cùng như thế nào ư?”. Thiền sư Hoài Nhượng nói: “Nghĩa là như người cưỡi xe, xe đã không đi thì là đánh xe hay là đánh trâu vậy”. Hòa thượng Đạo Nhất bỗng nhiên khai ngộ. Phía trên am đó có tảng đá Định Tâm, hang vị A-la-hán ẩn thân. Xưa kia có vị Cao tăng. Nhân có sự rao mời khắp cùng đến dọn dẹp củi. Vì cao Tăng A-la-hán ấy bồi hồi mà chẳng đến, lưu lại bài tụng ẩn thân, vào trong hang núi đó mà chẳng trở ra lại. Bài tụng đó là:

*“Diệu tướng chân không không người biết
 Vừa bị Duy na lấy thứ sai
 Thà nên vắng lặng về thất đá
 Ai hay vì chúng dẹp củi đây”.*

Phía dưới núi có suối thác tích, là nơi y tứ đại thác tích vì tạo dựng am khó khăn bởi nước, lại có hổ nháy nhót mở thành 2 dòng suối như tuôn trào có thể cùng cung cấp đại chúng. Có nước đủ 8 thứ công đức. Nói ẩn tàng 3 đời, am của Mã tổ, tháp Hòa thượng Huệ Tư. Xưa kia, Hòa thượng Huệ Tư trải qua 3 đời sống ở đó tu hành mới đắc đạo. Đến năm Chính Hòa thứ 6 (1116) thời Bắc Tống, bị nạn Hồi Lục, nên phòng nhà Phật tượng đều bị thiêu cháy hết, chỉ có nơi ẩn tàng 3 đời, am Mã Tổ, cầu Đâu suất vẫn hiện còn, sau đó phải trải qua 7 năm sửa sang tạo dựng lại mới được hoàn bị. Xưa kia, Trung ý Vương lúc ở tại Ngô Việt

từng dùng 7 món báu tạo 84.000 ngôi tháp vua A-dục, dùng đồng đúc 84.000 ngôi, dùng sắt đúc 84.000 ngôi, dùng chỉ lụa quyên ấn phước có tháp 7 báu, xưa trước đặt để nơi phương trượng. Sau khi kinh điển đã bị đốt cháy hết, chuông lớn đá lớn đều rách nát, chỉ riêng tháp đó không biến đổi, mọi người đều nói đó là do nhờ nguyện lực của Trung Ý Vương nên được vậy. Đến như các kinh giáo bằng Phạm văn ở thời tiền Đường, xá-lợi, tôn tượng bằng gỗ đàn hương, cho đến tích trượng của Hòa thượng Huệ Tư đều còn. Ngoài ra các vật cúng dường nhiều không thể tính kể. Bên cạnh đó có đàn giới do thiên nhiên mà thành tự, Trung Thư Xá Nhân Hàn. Tông ghi viết biển ngạch chùa Bát Nhã, có 2 ngôi tháp kiên cố và Huyền Thái hiện đang còn. Trương Mậu Tông lưu lại bài thơ đề chùa Bát Nhã là:

*“Ném Bát nơi núi cao
Xếp bày điện vài tầng
Có tên chùa ngàn xưa
Chẳng nhớ Tăng mười phương.
Mây nổi cạnh cửa tùng
Rêu mọc góc đá chẻ
Thiết tha bá Quân lục
Khó tiếp Nam năng đây”.*

Đến cuối niên hiệu Thiệu Hưng (1163) thời Nam Tống, lại gặp nạn Hồi lục, nên chỉ còn lại nơi ẩn tàng 3 đời, am Mã Tổ, ngoài ra đều bị cháy tiêu hết, lại phải trải qua 5 năm tu sửa lợp chồi lại, chỉ được hoàn tất 5-7 phần tráng lệ như xưa. Phía sau, có hang Dã nhân. Trong khoảng niên hiệu Thái Sơ (xem chú thích ở trước) có kẻ trốn lánh người Tần, qua lại bay vượt nơi núi hang, chẳng thể đến gần được, lên nhìn vào trong hang, không thấy có vật gì. Về sau có giống người chất phác ở đó, mãi đến nay vẫn hiện còn. Trong khoảng niên hiệu Đại Trung Tường Phù (1008-1017) thời Bắc Tống, có 3 thiếu niên mặc áo đỏ, ngồi tròn trên đá, mọi người đến gần phỏng hỏi, bèn liền chẳng thấy.

*** Chùa Đại Minh.**

Chùa Đại Minh tại phía Bắc miếu leo lên núi cách khoảng 25 dặm, khói mây bên cạnh núi có nơi Hòa thượng Huệ Tư yên tọa. Trong khoảng niên hiệu Quảng Đức (?), có Tăng sĩ Huệ Khai tạo dựng. Đến trong niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời tiền Đường, mới xây dựng lại. Có văn bia của Hòa thượng Đại Minh do Liễu Tử Hậu soạn thuật. Đến trong thời đại nhà Tống chúng ta mới ban sắc biển ngạch. Phía trước chùa có nền móng đàn xưa cũ nơi 18 vị Cao tăng hành đạo đến

nay vẫn hiện còn. Phía Đông có hang Lại tiện, ngọn núi phía trên che chở gió mưa, có Bích Khê 5 sắc thường tu tập tại đó. Xưa kia có vị Cao tăng ở đó. Nhân vị ấy mà gọi tên như vậy, mặc áo cỏ, ăn cây lá, chẳng can dự việc đời, biếng lười (Lại) mà ăn vật tiện tàn (tiện) của người. Nghiệp Hầu Lý Bí cũng lập am ở bên cạnh, đặc sắc hiệu là “Đoan cư đường”, suốt cả 10 năm chẳng cùng qua lại, tiếng tăm vang vọng mọi nơi, có chiếu nhà vua sai sứ đến thỉnh mời thì cự tuyệt không đối đáp hiện tượng cầm ngọng, luôn đổ hai dòng lệ. Sứ giả Lý Hầu có tặng bài thơ rằng:

*“Phần lửa chỉ biết màu vàng đẹp
Cân Bạc đâu hay bùn tía bầy
Còn vô tình bay thấu lệ lạnh
Ai có công đâu hỏi người đời”.*

Lại từng làm bài tụng rằng:

*“Việc đời dằng dặc
Về núi nghỉ thôi
Nằm dưới dây la
Hòn đá gối đầu”.*

Hoàng Đình Kiên thường tự tán chân rằng: “Tự nghi đó là Đại sư Lại Tán ở Nam Nhạc mới già như vậy”. Hoặc có người xưng gọi “Lại Toàn” tức nói sai nhầm vậy.

*** Chùa Thượng Phong.**

Chùa Thượng Phong tại phía Bắc miếu leo lên núi cách khoảng 35 dặm, nằm dưới núi Chúc Dung. Căn cứ theo “Thắng Khái tập” của Tiền Cảnh Khản thì nói là: “Do bản Triều nhà Tống chúng ta ban sắc biển ngạch mà tạo dựng”. Có 1 thuyết nói là: Xưa trước đó là Tiền Thiên Quán, sau cải đổi làm chùa như hiện nay. Như lúc khói mây hơi tan mở, trông nhìn 4 phía xa đến ngàn dặm. Các hàng Tao nhân du thường đề vịnh thật lắm nhiều. Chỉ có Tăng Tề đã có bài thơ rằng:

*“Chim vượn cùng chẳng đến
Ta lại thân muốn nổi
Bốn phía đều trời xanh
Cùng đánh chánh thu trong
Vũ trụ biết sao cùng
Phổ, quê thấy dòng nhỏ
Đứng lâu phía Tây đàn
Bạch nhật xoay thân châu”.*

Chùa có các rừng sâu, trong phòng Tăng chẳng từng để mất lửa,

mới đầu thu đã đóng băng, tuy giữa mùa Hạ cũng mặc áo kép. Cây cao lớn chẳng quá 6-7 thước, nên gọi đó là cây thấp lùn. Tùng vạn năm cũng không cao quá trượng. Bởi cao quá chỉ đến lạnh mà thôi. Thế hình riêng cao chót vót, chim muôn cũng chẳng thể đến nơi. Trông nhìn phía dưới các núi chỉ như gò đồng, chỉ phản phát như thương đậu mà thôi. Bên cạnh chùa có hang vực gió, ao sấm, nhà Long niên, nền móng miếu Chúc Dung. Đàn Thanh ngọc và Bạch bích tức hai nơi Phước địa, nay gọi đó là Đàn La-hán Hành đạo vậy. Xưa trước Tất Điền có bài thơ rằng:

*“Đã xây nhà vàng ròng
Sao gọi đàn ngọc xanh
Ai người sắp ứng cúng
Lại đổi Tiên cung đây”.*

*** Chùa Ứng Thiên Vạn Thọ.**

Chùa Ứng Thiên Vạn Thọ tại phía Bắc miếu leo lên núi cách khoảng 15 dặm, nằm ở phía Đông chùa Phước Nghiêm. Biển ngạch chùa là nơi do vua Ý Tông (Lý Thôi) thời tiền Đường ghi đề và dùng bằng ngọc khắc nên. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Thái Tông (Triệu Quýnh) chỉ lấy theo biển ngạch cũ mà sắc phong. Chùa có Vương Mạnh Thị người xứ đất Thực xả thí tu tạo kinh tạng và tôn tượng Đức Phật bằng đồng chế tác đều tinh vi khả quan. Xưa trước cây tre cây si tốt um che kín trước sau. Phía Nam núi đó các ngôi chùa đều rất là sâu kín. Chùa đó trong thời nhà Tống có vua Thái Tông (Triệu Quýnh) và vua Nhân Tông (Triệu Trinh) ngự thư Tam Chúc Đường. Vô tận Cư sĩ Trương Thương Anh có đề 1 bài thơ rằng:

*“Đánh đất vậy, biết sức vua sâu
Cày ruộng đục giống tự ngâm âu
Nhiều cửa, thọ lâu, lẫm nam tử
Nhớ Biểu phong người chúc Thánh tâm”.*

Lại còn có nền móng địa chỉ của am Lộ uyển nữa.

*** Viện Tử Cái.**

Viện Tử Cái cách miếu về phía Bắc khoảng 15 dặm, ở phía trên chùa Bảo Thắng. Trong thời tiền Đường, đó là trạm tiếp đãi các tiên tu hành. 2 Đạo sĩ Đàm và Trần cũng tu luyện tại đó. Lại có nền móng địa chỉ của Thiết Biều Tiên Trương Bạch Cư đến phía Bắc vào Đào nguyên, đã bị hư hoại đã lâu, có Dã nhân ở đó. Phía trên có bếp đàn tế cúng Tinh Đầu, về phía Bắc là nơi Lý sinh thoát giải thay. Phía dưới có

cây thông; nơi Đường Thái tử buộc ngựa.

*** Chùa Bảo Thắng.**

Chùa Bảo Thắng, tại miếu về phía Bắc leo lên núi khoảng 12 dặm. Từ Hành nhạc qua chùa Hoa Nghiêm, trái vượt qua Thọ Kỳ quán theo hướng Bắc đi lên mới đến. Sam tùng che phủ tốt tươi ngoài ra không gì xinh đẹp nữa. Dưới phía Nam núi Hương Lô là có con đường đến viện Tử cái.

*** Thánh Thọ Quán.**

Thánh Thọ Quán cách miếu về phía Bắc leo lên núi khoảng 7 dặm, được tạo dựng khoảng trong niên hiệu Hàm thông (860-874) thời tiền Đường. Nhân có khe suối mà Đạo quán được đặt tên như thế. Theo “Cựu ký” nói là: Xưa kia Linh Võ Lô Phan Trấn Kiềm Nam Nhật, tấu xin lấy nhà sách xưa cũ để làm Quán. Qua sau 6 năm lại tấu xin xả thí trang điền phòng nhà trọn sung vào làm vật thường trú ở trong Quán. Nay nhà của Lô Công Chân cho đến Đường Vũ nghiêm nhiên. Xưa trước, có Thanh âm các, Tuyển tiêu đình, Nghinh tiên các, Thử quân các. Tầng men sườn núi vách cao chót vót, trúc dài trùng lớn, khe sâu trong mát nước chảy xiếc, cảnh tượng rất kỳ lạ. Sách đó so với vạn thọ gấp bội lần tươi tốt kín mầu, khe suối thọ chảy quanh phía dưới trước Quán hợp với khe suối linh đở dòng xuống Bình dã. Dưới đời vua Ý Tông (Lý Thôi) và Hy Tông (Lý Hoàn) thời tiền Đường, có Hiên Viên Di Minh ẩn dật tại đó lâu năm, sau đó trở lại Bảo Hoàng động đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, có Bả Tiên gặp Lã Động Tân ở tại Quân Sơn, về sau cũng ẩn tại đó hành Pháp linh quy thôn thổ, công thành bèn trở về Nhạc Lộ, tự hiệu là Tiêu Tương Tử, và từng nói rằng:

*“Ta mến cảnh Tiêu Tương
Bụi hồng rủ cách bờ
Nam sơn bảy hai (72) núi
Chỉ thích gò Động chân”.*

Trong khoảng niên hiệu Nguyên Hựu (1086-1094) thời Bắc Tống, từng có hạc trắng bay đến đầu nơi sam trùng kêu hót trọn 3 ngày mới đi. Đến trong niên hiệu Uyên Hòa (1119-1126) thời Bắc Tống, cải đổi lại là Thọ Kỳ.

*** Viện Hoa Cái.**

Viện Hoa Cái là nơi Hoa Cái Quân tu hành, chẳng hiển bày tên họ. Hoặc có thuyết nói xưa kia đó là Thái Thanh quán vậy. Cách miếu về phía Đông bắc khoảng 15 dặm, từ Nguyên Dương cung leo lên Thượng

Thanh cung mà đến. Xưa kia, Đàm Tiểu Nham, tự là Cảnh Thăng ở núi Chung Nam, lâu sau trước thuật Hoa thư, qua Đông Ngô thấy gò Tống Tề, đến Lô Phu rồi trôi nổi thuyền theo Tiêu Tương rồi đến luyện Đan tại đó. Lại có Mặc Hy Tử, không biết thuộc dòng họ gì đến ở đó trước thuật kinh Thông Nguyên. Trong khoảng niên hiệu Khai Hoàng (581-601) thời nhà Tùy, có Đạo sĩ Ngô Hàm Khư tự là Hợp Linh, ở đó phong cuồng, chưa từng xuống núi, trọn ngày say sữa, cũng không có các vật khói lửa, người đời gọi đó là Ngô Nhu (vượn trọ ngô), khéo ngủ nghỉ trải qua cả tuần không ăn, và từng nói là: “Người muốn được, tức nếu lười biếng. Nếu như siêng năng cần mẫn không thể nhàn”. Vốn chẳng công kích văn chương, bỗng nhiên trước thuật “Thượng Thăng ca” rằng:

*“Ngọc Hoàng có chiếu lên Tiên chức
Rồng nhả mây chừ, gió giúp sức
Bỗng nhiên trước mắt thấy lâu đài
Hoa lạ cỏ kỳ đáng thưởng thức.
Ta đến Đại la nhìn thế giới
Thế giới chỉ tựa ngón tay thôi
Ngay lúc chẳng vì bay lên vội
Một chút dẫn hương bán biển chơi”.*

Đến năm Thanh Thái thứ 2 (?), bỗng nhiên Thượng thăng. Lại có kinh đài ẩn sĩ Thiết Quan tiên sinh, Phiền Thị kính mộ Đạo Hợp Linh, thường cưới trâu trắng đến phỏng tìm, Sở Vương Mã Hy theo khuôn phép thường noi theo đó. Về sau Mã Hy có tiếng tăm nổi ngời, còn tiên sinh chẳng biết đi đến đâu.

*** Thượng Thanh Cung.**

Thượng Thanh Cung cách miếu về hướng Bắc khoảng 7 dặm, là nơi Từ Linh Kỳ chân nhân vốn người đất Ngô tu hành tại đó. Từ Linh Kỳ thuở bé thơ gặp được thần nhân trao cho yếu quyết Huyền đan, pháp thuật ngậm hớp ánh sáng mặt nhật, đạo lý giữ lấy Nê-hoàn, ăn dùng cơm Hồ ma, nên được chu du khắp sông núi, qua lại Nam sơn lắm nhiều năm phỏng tìm núi động hang cốc, trước thuật “Hành Nhạc ký” nêu bày động Phủ linh dị, nói về 2 núi Tử cái và Vân mật đều cao hơn 5.000 trượng, và ở núi Vân mật có văn bia Hạ Võ trị thủy đều viết theo lối chữ hình nòng ngọc. Phía dưới bia có thạch đàn, có dòng nước chảy quanh rất là thắng tuyệt. Còn ở núi Tử cái thường có đàn hạc tụ tập trên đỉnh, thần chi linh thảo sinh mọc lắm nhiều, phía dưới có thạch thất, có lò hương, cối chà, bếp tảo luyện đan. Trên đỉnh núi Chúc Dung có đàn Bích ngọc chuông vuông 5 thước, phía Đông có giếng Lê sắc tía cao 300

thước do Hạ võ trồng nên, thật lớn như đầu, sắc màu đỏ như mặt nhật, nếu ai được ăn trái đó thì trường sinh bất tử. trong khoảng niên hiệu Nghĩa Hy(1), có người ở núi tên là Phan Giác đến phía Tây đỉnh núi, đá tự nhiên nứt nẻ có vật lưu xuất tợ như bùn sắc tía, Phan Giác không biết đó là Thạch tử, nên trợn lấy dùng mà vất bỏ đi, bỗng nhiên tỏ ngộ, trở lại thì không trông thấy nữa. Đó là những điều ghi chép Thánh dị của Từ Linh Kỳ. Lại có khả năng sai sử quỷ thần, nhiếp phục rồng hổ. Đến ngày mồng 9 tháng 9 năm Nguyên Huy thứ nhất (473) thời Tiền Tống thì xung chân. Đến năm Trọng Hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) ban sắc truy tặng là “Minh chân động, vi chân nhân”. Nay tại nền móng cung, thấy còn có bia đá. Tương truyền là: Xưa trước có Tiên kê (gà Tiên) gáy báo trời sáng, nhân ăn cỏ tiên nên chẳng chết, lúc bấy giờ có người đi hái củi trông thấy mà không bắt được năm Đại Lịch thứ 7 (772) thời tiền Đường, Huyền Hòa tiên sinh Trương Thái không là thầy của Lý Bí ở đó mà đắc Đạo. Về sau vào Nguyên Dương cung mà thoát giải thay. Năm Đại Trung thứ nhất (847) thời tiền Đường, Hàn oai nghi mấn mộ Đạo Phong ấy bèn đến ở đó tu phù cũng đắc đạo vậy.

*** Hang Thạch Thất Ẩn Chân.**

Hang Thạch Thất Ẩn Chân ở giữa khoảng Thượng Thanh cung và Nguyên Dương cung, sam tùng cặp theo đường đi, núi hang cao vợi đôi gò sắc lam, có 2 ngôi thạch thất vốn là hang huyết của Hồ Báo. Trong khoảng niên hiệu Đại Trung (847-860) thời tiền Đường, Lưu Nguyên Tĩnh tiên sinh ở đó, lễ bái tinh đầu, giẫm bước cứng cáp, xua đuổi Hồ báo, dùng ngãi để trừ gai gốc cây tần mà ở. Có Hàng Châu thứ sử Hàn Hoa xả thí tiền bổng lộc để vì tạo dựng hội chân các, đến hang núi mở rộng thạch thất đó, dẫn suối chảy quanh, chặt cây diệt cỏ, đục làm bếp trà, tạo đàn cờ cục cúng tế, cối thuốc, bồn, sà, đèn đuốc đủ mọi khí cụ, tự nhiên sinh thành, trong khoảng niên hiệu Hội Xương (841-847) thời tiền Đường, vua Võ Tông (Lý Viêm) ban chiếu mời vào nội cung truyền thọ phù lục, phong tặng hiệu là Quảng thành tiên sinh, qua thời gian lâu bèn xin trở về lại núi. Đến tháng 10 năm Đại Trung thứ 5 (851) thời tiền Đường, có mây hạc gián hiện từng tầng, sau đó không bao lâu thì Lưu Nguyên Tĩnh bỏ đời, nghe có tiếng nhạc trời vang vọng giữa không trung, đến ngày dời cách tâm thần, chỉ lưu để lại gậy và giày. Có đệ tử Lã Chí Châu cảm đắc Đạo ấy. Binh Bộ Thị Lang Tiêu nghiêp soạn bộ văn ấy, Lại Bộ Thị Lang Triệu Lỗ viết truyện. Thái Tử thiếu phó Lô Phan làm bài minh nói thạch thất. Đạo sĩ Trương Kiên làm nội

truyện, còn Thần Đạo bia thì hiện ở tại Thuyền Đức Quán. Nền móng đó nay nay hiện còn.

*** Trung cung.**

Trung cung tại phía Đông bắc của miếu cách khoảng 07 dặm, được tạo dựng trong khoảng niên hiệu Thiên giám (502-520) thời Nam Lương. Là nơi chôn nhân Vương Linh Dư tu hành. Vương Linh Dư vốn người Tấn Lăng, từ thừa bé nhỏ mà đã thông minh dĩnh ngộ, lại chẳng cưới vợ, làm quan, chuyên chỉ cần mẫn sống với Đạo, giả từ thân thích bè bạn đến lập am ở dưới núi Ngũ Lão. Tợ như có điều chứng đắc, bỗng một đêm nọ có Thần nhân đến bảo rằng: “Người tu hành đắc Đạo chẳng phải ở chỗ đất này, như gieo trồng ngũ cốc ở giữa khoảng các đá thì không thể nào thành. Ông tuy có cốt bay cao, cần phải chọn nơi Phước Địa Linh Đan, ông mới có thể lấy làm biến hóa. Tuy tích phước dấm nhiều lấy làm thổ địa, tích công làm thành lông cánh. Như chẳng có được chỗ đất như thế, thì ma phá hoại công phu, Đạo ấy không do đâu mà thành được.” Vương Linh dư nói rằng: “Vậy chỗ đất nào có thể nên nường nấu?”. Thần nhân bảo rằng: “Phía trên Chu Lăng, gần núi Tử cái có ngọn núi có thể lấy làm nơi xung thiên”. Vương Linh Dư bèn từ Lô phụ chuyển dời đến ở Trung cung tại Nam nhạc, tu hành 12 năm thì Đạo thành. Lại dời đến phía Đông Chu Lăng châu tinh đầu huyện Chân. Đến ngày 12 tháng 07 năm Thiên giám thứ 13 (514) thời Nam Lương thì xung cử. Đến năm Trùng Hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) ban truy hiệu là “Thông vi tập Hư chân nhân”. Lại nữa, khoảng đầu niên hiệu Thiên Bảo (742) thời tiền Đường, Huân Phụng Tiên đến ở đó tu pháp Cửu Hoa Đan mà đắc Đạo. Lâu sau, đến thành Hành Dương nường nấu tại động phía sau Chu Lăng. Trong niên hiệu Nguyên Hòa (806-821) thời tiền Đường, Phùng Duy Lương cũng tu hành tại đó. Bản truyện đều có ghi đầy đủ ở quyển Hạ. Lại nữa, trong niên hiệu Đại Lịch (766-780) thời tiền Đường, có Lý Đức Lâm tiên sinh tu hành đắc Đạo tại đó. Trung cung đã bị hư hoại từ lâu.

*** Nguyên Dương cung.**

Nguyên Dương cung tại phía Đông bắc miếu leo lên núi cách khoảng 5 dặm, cùng với Thượng Thanh cung và Trung cung ở trên đỉnh chót vót. Trong khoảng niên hiệu Thái Thủy (265-275) thời Tây Tấn, đó là Quán của Trần chân nhân húy là Hưng Minh tu hành vậy. Chân nhân thuở thiếu thời vân du các chốn danh sơn, nhân phỏng tìm chân tích, đến trên núi Thiên trụ gặp 2 thần nhân tuổi khoảng 18-19, tự nói rằng: “Tôi đi khắp 4 biển độ những người có chí. Người tới tu đạo tạo có thể tinh

chuyên, đến giữa đường bèn phế bỏ, chẳng thiết tha tinh cần lâu dài thì sao có thể gạt hình mây trời, bay vượt giữa khoảng không. Ông tích chứa công cũng đã đáng tốt đẹp vậy, chớ nên thói chuyển, khỏi phải lo không bày nêu tên nơi nhà ngọc cửa vàng. Trước khổ sau an vui, khổ có ngần mé, vui chẳng tận cùng. Sao là nường nấu nơi rừng hang sâu thẳm, tức cùng làm bạn với chim thú, dói khát hản đến, nóng lạnh vẫn chuyên cần, cắt bỏ sự đời xa lìa vinh vọng, từ thân bỏ ái, có thể gọi đó là khổ vậy. Được sống thọ như trời đất, biến hóa không cùng, đánh cưỡi lui không, ngồi sinh lông cánh, đó có thể gọi là vui vậy. Được chẳng khắc chí với sự tu hành ư?”. Hưng Minh chấp tay kính bái mà thưa rằng: “Trọn xin mang đội Thánh ngôn, rốt cùng với Đạo chẳng dám biếng lười”. Hai thần nhân bèn trao cho Đạo minh cảnh (gương sáng). Hưng Minh tu hành suốt 18 năm, 2 vị Tiên lại giáng hiện mà bảo rằng: “Xưa trước, Ta trao cho con chí Đạo, quả thật có khả năng cần khổ chuyên hành, nay thì nổi gót lên cửu thiên, giao du nơi nghỉ khắp 8 biển. Đó là quả báo của sự tích công vậy. Trước khổ sau vui, nay con đã đạt được vậy”. Đến ngày mồng 1 tháng 3 năm Thái Khương thứ nhất (280) thời Tây Tấn, mây khói tự nhiên giăng bủa quanh phỏng thất, nhạc trời nổi giữa không trung, mọi người ở dưới núi đua nhau sang mà trông xem, chỉ có phỏng thất trống không. Đến như các vật gá chó cũng vui mừng nhảy nhót. Đến năm Trọng Hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) sắc phong hiệu là “Trí Hư Thủ Tĩnh Chân Nhân”. Lại nữa, trong thời tiền Đường, có Trương Nguyên Hòa tiên sinh đến ở đó. vua Đức Tông (Lý Khoát 780-805) có ngự chế bài từ ban tặng rằng: “Phàm, Chí Đạo không tên gọi, gương mượn tên gọi mà sùng kính Đạo, Chí Chân không thụ hiệu, ắc nường thụ hiệu để làm sáng tỏ Chí Chân. Chỉ điều đáng tương xứng ấy chính là Toàn Đức. Nên ở cung Nguyên Dương núi Nam nhạc, Đạo sĩ Trương Thái Hư, lẫn lộn giữa nguyên vẹn mà nuôi dưỡng thuần túy. Nguyên đó lại càng nguyên. Luyện cốt tam thanh, còn lưu thần nơi 8 cảnh. Dưỡng đức ở Hành Phong gần đây đã trăm năm, nường võng tượng để ngằm tìm tòi, cây Hồng môn mà xung dụng, gá đội Hạo khí, rất khổ chân hình, khoảnh khắc tại Tiên Hoàng mà bày cao diệu Đạo, trông mong cưỡi giá hạc đen, chống xiêm rắng tía. Ta có phụ thần, cách ngôn cao bước. Trọn nghĩ nhớ tiên tử, hận chẳng đồng thời. Tạm bày tình mừng chuộg, kính giáng mạng tuyên dương, răn danh bày đức. Ngõ hầu trọn được không cùng, có thể phong tặng là Huyền Hòa tiên sinh vậy”. Đến ngày 13 tháng 06 năm Trinh Nguyên thứ 4 (788) thời tiền Đường, Trương Nguyên Hòa xuống

phía sau giải thay tại núi Linh ẩn. Cung ấy đến trong thời Bắc Tống qua các niên đại Thuần Hóa (990-995), Thiên Thánh (1023-1032) và Chánh Hòa (1111-1118), đã có 3 lần sửa sang tu bổ. Đến năm Tuyên Hòa thứ nhất (1119) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) lại cải đổi sắc ban là Sùng Minh Quán. Phía sau Quán cách 3 dặm, có hang Phục hổ.

*** Viện Điền Chân.**

Viện Điền Chân, tức từ cung Nguyên Dương về phía Đông nam cách 2 dặm, được tạo dựng trong khoảng niên hiệu Bảo Lịch (827-827) thời tiền Đường. Tre biếc từng xanh trước sau che phủ kín, từ Tam thanh, điện Thạch tượng về hướng Bắc cách hơn trăm bộ có 1 hang nhỏ, đó là nơi Điền tiên sinh thường ở nghỉ, phía trên hang có 1 gốc tùng, gọi là Hoa cái tùng, gốc rễ cuộn cong, cành nhánh bên tả nhỏ như lọng hoa, chu vi của hang tuy rộng nhưng chỉ 1 cây tùng ấy che khắp cả. Khoảng trong niên hiệu Khai Hoàng (581-601) thời nhà Tùy, Điền Lương Dật tên thật là Hư Ứng, vốn người nước Tề, kính hầu song thân nên từ huyện Du dời đến ở núi Hỷ vương tại Nam nhạc, sau đó tự thân canh cây đối bán củi để hầu mẹ, ban đêm riêng 1 mình vào ngồi trong hang. Một ngày nọ phóng chí đi khắp 5 ngọn núi, gặp thấy Hà Tôn sư mà hỏi Đạo. Người mẹ hong phơi áo ở phía Bắc núi, nghe con trẻ đi xa vội sang tìm đồ chưa kịp trở về thì áo đã hóa thành đá, đến nay cách đã vài trăm năm mà sắc màu áo vẫn không biến đổi, trắng sạch như lúc mới đầu. Phía dưới có 1 hang nhỏ là nơi người mẹ thường nghỉ tại đó, ngồi trọn cả ngày thường đơm phục khí giảm bỏ uống ăn. Người mẹ đã ngồi mà qua đời, chí khí của Hư Ứng càng cứng mạnh. Về sau gặp được Tiết Quý Xương mà truyền Đạo, rồi theo hướng Đông vào núi Thiên Thai chẳng trở lại. vua Hiến Tông (?) ban chiếu thỉnh mời mà chẳng đến, sau đó giải thay. Đến trong niên hiệu Tuyên Chánh (?) thời nhà Tống gặp phải Hồi lục, nên chỉ còn đá Tam thanh. Đến trong khoảng niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, mới xây dựng lại 1 ngôi điện nhỏ. Có Đạo nhân lo việc đốt hương tu luyện, đến nay vẫn chẳng ngưng dứt.

*** Viện Bắc Đế.**

Viện Bắc Đế tại phía sau Thuyên Đức Quán cách khoảng nửa dặm, trúc dài từng lớn trước sau tươi tốt che kín, khoảng cuối niên hiệu Thiên Giám (520) thời Nam Lương, có nữ quán Từ Luyện Sư ở đó tu hành đắc Đạo. Đến cuối niên hiệu Trinh quán (650) thời tiền Đường, có Trương Huệ Minh trở lại tu, gặp được Nam nhạc Hữu Anh phu nhân truyền Đạo, hành bảo pháp Nhất tam ngũ hỗn hợp, mà sau đó thoát

giải thay. Lại có Lý Tư Mộ ở đó tu hành đắc Đạo. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Thái Tông (Triệu Quýnh) mới ban sắc biển ngạch. Gần đây lại bị hư phế.

*** Lăng Hư cung.**

Lăng Hư cung tại phía Bắc miếu leo lên núi cách khoảng 8 dặm, thuộc dưới phía Nam núi Hoa cái, được tạo dựng khoảng đầu niên hiệu Thiên Bảo (742) thời tiền Đường. Tiết Luyện Sư tên là Quý Xương làm am mà ở. Minh Hoàng (?) ban chiếu cử ở Giáng Thánh quán tại núi Cửu chân, tiến hành chú giải Đạo Đức kinh, soạn thuật Huyền Vi luận, Ngự thư phê đáp có cả 10 thứ. Về sau từ giả vinh hoa sủng ái, xin trở về lập am cỏ ở đó. Một ngày nọ, bảo cùng Môn nhân rằng: “Đêm nay khí trời khác thường. Tôi sẽ có chỗ đến vậy”. Bèn vượt giữa hư không mà đi. Về sau có Tiết U Thê từ Tây Thục trải qua 24 tri, vượt kinh chữ, đi ngược dòng Tiêu tương, chiêm lễ Xích quân, đến ở đó tu chân, ẩn giấu họ tên, đến dưới 5 ngọn núi, ở trên thạch đài chú giải kinh Linh Bảo. Phía trên đài mây khói như khói hương ùn nổi liệng quanh. Kinh chú giải xong nghỉ bãi thì mây khói cũng tự tan. Do có sự cảm cách như vậy nên xưng gọi là Thiên Hương đài, về sau thoát giải thay. Trong khoảng niên hiệu Hội Xương (841-847) thời tiền Đường, có Chu Hồn Ô từ núi Cửu chân đến ở đó về sau đắc Đạo, tạo dựng Đại La quán. Trước Vương cung tự nhiên có Thạch Đàn các vật cúng tế, và sinh thành đá thử kiếm, suối Dục Đan. Đến cuối niên hiệu Thiệu Hưng (1163) thời Nam Tống dời xuống dưới núi mà khai sáng chỉ được 5-7 phần mà chưa hoàn bị (lại nên xem rõ ở quyển hạ).

*** Động Linh cung.**

Động Linh cung cách miếu về phía Đông bắc leo lên núi cách khoảng 18 dặm, thuộc dưới phía Nam núi Tử cái. Xưa kia, vào cuối thời Đông Tấn, có Đặng Dục Chi, tự là Ngạn Đạt ở đài Động Linh tụng Động kinh. Gặp được Ngụy phu nhân truyền pháp, bèn tu hành theo đó mà đắc Đạo. Đó thuộc phước địa trong 25 nguồn Động linh. Xưa trước có lời thơ rằng:

*“Nguồn Động linh tiếp động Dương thiên
Hang buồn núi hiểm nhả khói mây
Tùng đạp hoa rơi nghe tiêu ngọc
Tùng đổ bồ đàn, suối Hạc minh”.*

Cung tạo dựng xong, Lý Tuấn Dân tiên sư ở đó mà đắc Đạo. Xưa kinh có 2 Chân nhân Bành và Thái ở ẩn tại đó, đến cuối thời nhà Đường có Niếp Sư Đạo gặp gỡ mà tôn thờ đó, đầy đủ như nói ở quyển Hạ. Nay,

hiện có rừng đào, hai bên tả hữu trồng tía các vườn trà, quật quýt. Trước cung xưa trước có 1 gốc cây phong thẳng vút cao vài trượng, rễ căng ùn nổi cuộn kết thành hình con rùa lớn, đầu đuôi chân vẩy hiện bày như sống, mọi người trông thấy đều kinh sợ. Các thứ am vũ nơi cung đó đã bị hư hoại từ trong thời Ngũ đại đều bởi gặp phải Hồi lục, núi hang rộng tuốt. Đến cuối niên hiệu Đại quán (1111) thời Bắc Tống, có Trung quý nhân môn ty xả thí của cải mà tạo dựng lại. Cung điện hiên vũ đến nay mỗi mỗi đều mới. Những vị ở am ẩn dật cũng chẳng giảm so với xưa. Về phía Đông bắc có nguồn Đào hoa, suối Hạc minh, đều là nơi mọi người ít đến, trên sườn núi phía Tây có khắc bài phú Trương nguyên hóa hoàn đan, phía dưới có ao Tẩy dục, phía Đông có đàn châu tinh đầu.

*** Chiêu Tiên quán.**

Chiêu Tiên quán tại phía Đông của miếu cách khoảng 8 dặm. Theo “Cựu ký” nói là: “Khai mở nền móng, Lưu Tông bói chữ Tiêu Tế”. Lại theo lời ghi là: Đạo quán đó tạo dựng trong khoảng niên hiệu Hàm Hanh (?) thời nhà Tần. Xưa kia có Trương chân nhân húy là Đàm yếu ở đó tinh cần tư duy, cảm thông được thiên chân ẩn giáng truyền cho Đạo nội dưỡng nguyên hòa mặc triều Đại Đế, hành trì suốt 12 năm, thần vân du đến Thái không, mặt châu với Hoàng Cực Đại Đế, được ban cho dịch Quỳnh thật lang cao hỗn thần hợp cảnh, ăn dùng đó xong, biến hóa chẳng thể lường biết, thần dụng vô phương. Đến ngày mồng 3 tháng 7 năm Diên Hưng thứ nhất (494) thời Nam Tề, bỗng nhiên có tiếng sấm nổ, trời đất chấn động, bỗng chốc chim loan chim hạc ngậm đan chiếu đến nghinh Đàm yếu bay lên trời. Đến năm Trọng hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) ban phong hiệu là “Bảo quang tập minh chân nhân”.

Lại nữa, trong năm Trinh quán thứ 2 (628) thời tiền Đường, có Pháp sư Lô Lăng Tiêu, húy là Linh Hộ đến ở đó, hóa thuật Hoàng bạch ra ngoài nuôi dưỡng đó, sửa sang Quán Vũ. Đến năm Trinh Quán thứ 5 (631) thời tiền Đường, xây dựng các tầm chân. Qua năm sau là năm Nhâm thìn (632) đến Quế Châu chú đúc 1 quả chuông đồng nặng 500 cân, nghinh đưa về Quán, những lúc chuyển canh không dám gõ đánh, bởi kinh động địa phủ bốc cháy âm thần. Sau đó, luyện đan tại phía Bắc núi, qua 3 lần luyện mới thành mà đượm phục đó. Đến ngày 15 tháng 8 năm Hoàng Đạo thứ 2 (684) thời tiền Đường, Linh Hộ thoát giải thay. Lại nữa, cuối niên hiệu Nguyên Hòa (821) thời tiền Đường có Hứa Thước từ núi Nga my đến, đề ghi trên xà nhà, thường những lúc rất say hay ca dài, trong bài ca cũng như nơi ghi đề thường luôn có câu “Tâm

yển nguyệt tử”, trọn không biết “yển nguyệt” là vật gì. Lại để lại 1 bài trên tường vách nhà mà các câu cuối như là:

*“Đặng thông chết đói, nghiêm lãng nghèo
Đại vương đâu phải người không sức
Trượng phu chưa đạt chớ tự thân
Vin vảy tựa lông tổn tinh thần”.*

(Đề xong sau đó không bao lâu, giữa lúc Bạch nhất bay lên trời). Đến cuối niên hiệu Đoan Cung (990) thời Bắc Tống, một ngày nọ mới đầu canh 5, bỗng nghe vang tiếng chuông. Mọi người đều kinh lạ nghi ngờ, tới sáng ngày, sang trông xem thì chuông bị phá bể. Chưa đầy 10 ngày sau, có 1 Đạo nhân vận mặc áo vải rách rưới đến tự nói là: “Có thể vá được chuông, chỉ cần có vài ngàn cân củi lửa”. Khi ấy đốt than nung chuông. Đạo nhân dùng lòng bàn tay làm khuôn rót đồng, đến sờ mò đắp nơi chỗ chuông bị nứt bể, lửa hồng đỏ tự đen tối. Mọi người trông nhìn đều kinh sợ. Đạo nhân vào khe nước rửa tay, bỗng nhiên biến mất không còn thấy nữa. Đến nay quả chuông ấy vẫn còn dấu vết bàn tay sờ vào. Đó thật là linh dị.

Lại nữa, cuối thời nhà Đường, có 3 chân nhân Niếp Sư, Đạo Phỏng, Bành Thái, mọi sự đầy đủ như ở quyển Hạ. Đến trong triều đại vua Nhân Tông (Trinh Trinh 1023-1064) thời Bắc Tống, có Dương tổ tiên sinh vâng phụng sắc chỉ đến ở đó, lâu sau vào sau Hành nhạc quán mà giải thay. Trong khoảng niên hiệu Tuyên Chánh (?), có người ẩn dật từ xa mướn mộ Đạo phong ấy nên vì tạo dựng hiên Dương Tố, tại Quán đó xưa cũ có Dao Bích các, đình Cảnh tú, đàn Triều thiên. Về phía Bắc cách khoảng 2 dặm có đình Tuyết lãng, khe Động châu. Thác nước từ động mà tuôn đổ, đá lớn rộng cao, ngay trên sườn đá có 1 ao đá tương dáng tròn như cái chỏ rộng hơn 1 trượng, sâu chẳng thể cùng, có 1 mạch nước bay xuống như đường văn mái diềm, gọi đó là động Chu lãng; là động thứ 3 trong 36 động Thiên. Lại có giếng đá thẳng xuống dưới sâu không đáy, thông suốt ra 4 cửa, dòng khe chỉ 20 dặm thành dòng nước treo cao tuông đổ ấy. Từ mới đầu khe đến giữa đầm dài 9 nhận, từ giữa đầm xuống vào hang cốc dài 18 nhận, có vách đá mờ tối cuộn quanh, trên mặt rộng khoảng 4 chỗ ngồi, sóng tuyết vọt bay, mưa sấm chột trút đổ, tuy ở Thiên Thai, nga my cũng chẳng sánh kịp thế đó. Phía dưới có đầm Đầu Long (thả rồng) trong nước nhà mỗi lúc cúng tế xong thả rồng xuống đó. Với khoảng đá nứt nẻ, nghe có tiếng nhạc trời, nên trong thơ Động thủy liên của Lân Dương có 1 câu đối rằng.

“Mở đầu thả rồng vàng

Cuối nước nghe nhạc trời”

Là đó vậy. Nếu người đến đó với tâm chí khiết tịnh thành kính chiêm lễ mà lên nhìn thì mờ mờ có thấy giường vàng ghế ngọc. Trong khoảng niên hiệu Chí Đạo (995-998) thời Bắc Tống, có người phụ nữ mang thai xúc chạm vào đó, sườn núi đá dần khép kín lại, không còn trông thấy gì nữa. Mọi người tới lui để lại thơ vịnh, viết đầy tường vách. Riêng Lý tiên Phụ ở Lô Lăng có 1 bài thơ siêu tuyệt các bạn thường, đó là:

*“Một mảnh treo sườn xanh
Rõ ràng không bụi bặm
Đá thành châu ngọc trắng
Rủ xuống lại dây ngọc.
Yến đồng bay khó vào
Gió núi cuốn chẳng mở
Tiếng tiếng cách biển dâng
Chẳng ý mê hang hiểm”.*

Câu trong lành, phong cách cứng mạnh, xem qua lời khó phục.

Tháng 10 năm Chính Hòa thứ nhất (1111) thời Bắc Tống, có Trương Huy Ngôn, người ở Kiến An, Lãnh Tào Bản Lộ Án Bộ Từ Tương Đàm vượt đèo thờ nhạc đi chưa đến 3-4 dặm, thấy bên tả đường đi có tảng la tươi tốt, bên trong có cửa cao tráng lệ, có bảng sơn lớn viết 3 chữ “Chu Lăng cung”. Bên trong cửa, lâu các ẩn hiện, có một người đứng ở ngưỡng cửa như có sự dò xét. Bấy giờ trời đã xế bóng nên chưa rảnh để đi trông xem, trong ý hẹn đợi vào ngày khác. Đến ngày mồng 5 tháng 9 năm sau (1112), từ Hàng Châu trở lại nghỉ qua đêm tại chùa Thắng Nghiệp nói chuyện cùng vị Trụ trì là Tăng sĩ Cảnh Tương rằng: “Sáng sớm mai có thể đồng cùng đi đến Chu Lăng?”. Tăng sĩ Cảnh tương bảo rằng: “Từ chùa đây về phía Đông có Chiêu tiên quán, phía sau quán có đền thờ Chu Lăng. Tôi cho rằng: Năm trước từng qua Chu Lăng cung, thấy cửa cao bảng lớn viết chữ sơn lớn cả thước. Tôi hận chưa đi đến đó, nay lại đây rất hợp ý vậy”. Đến ngày hôm sau đồng đến Chiêu tiên quán, trải qua các phía trông xem trọn không thấy gì, chỉ toàn núi trống không mà thôi. Cùng đến Chu Lăng động, 4 mặt toàn vách đá, thác nước đổ bên trong cũng không có phòng nhà. Dò hỏi, các hàng Đạo lưu nói là: “Vốn không có cung đó, cũng không có cửa đó, khác lạ thay”. Mới biết chùa Đại Phương Quảng ở núi Thiên Thai, chùa Thánh Trúc Lâm ở Tung Sơn, những sự ấy đều đồng loại đây vậy, chỉ ghi chép lại để nhận biết thế. Về sau, vị trí trì là Đạo sĩ Vương Nguyên động tạo dựng đình

Vọng Tiên, tại nơi chỗ thấy làm cửa cung, Huyện úy Tiên Cảnh Khản viết 3 chữ “Chu Lăng cung”, dùng chu son bôi lấp làm bằng. Về sau nữa lại tạo dựng Vọng tiên kiều quán, có tôn tượng bảo sinh Thiên tôn bằng đồng. Trong khoảng niên hiệu Hàm Hanh (?) thời nhà Tấn, có đục tạc tôn tượng Lão quân bằng đá và tùy tùng và đồng thời tạo dựng. Quán xưa cũ ngay cửa động. Đến trong niên hiệu Vĩnh (. . . ?) thời tiền Đường mới dời ra điện Lão quân, riêng đắp nguyên thổ ngọc thần cùng làm 1 điện để kính phụng hương hỏa. Có thuyết nói là: Trong thời tiền Đường vì tôn phụng Huyền nguyên làm Thánh tổ nên tạo dựng ngọc thần ở đá vạy. Đến năm Tuyên Hòa thứ nhất (1119) thời Bắc Tống, vua Huyền Tông (Triệu Cát) đổi ban biển ngạch như hiện nay vạy.

Tại Chiêu tiên quán có 4 văn bia:

- Bia Động Chân Bạo Bối
- Quốc gia kim lục Đạo tràng tề tiểu ký
- Kiến Tâm chân các ký
- Chu Lăng cung ký.

*** Cửu Chân quán.**

Cửu Chân quán tại phía Đông miếu cách khoảng 10 dặm. Theo “cựu ký” nói: “Cửu Chân quán do Tân Dã tiên sinh tạo dựng trong khoảng niên hiệu Thái khang (280-290) thời Tây Tấn. Đến đầu niên hiệu Thiên Giám (502) thời Nam Lương, có Trương Như Trân chân nhân ở đó. Trương Như Trân là người cùng quê hương với Tân Dã tiên sinh. Từ thuở bé thơ đã ít nói năng, đàm bạc chẳng như đồng bạn. Đến tuổi trảng niên thì nường nấu nơi sâu lắng mà sớm bảm cốt tiên, gặp được Thần nhân giáng hiện đến nơi hang thất truyền cho Đạo Minh Cảnh Đồng Giám, khiến Trương Như Trân tu hành mà bảo rằng: “Phàm, được soi vật lý là trời, xét rõ vật hình là Đạo, Đạo của trời lấy sự trong sạch, Đạo của Cảnh (kiếng) lấy sự sáng soi. Xét thật không sai vạy. Hình định tại đây, vật ứng với kia, nên tương trảng của núi sông, tình của quỷ thần, không nơi nào trốn mà ẩn vạy. Trời lấy sự trong sạch mà dung chứa vạn hữu, nước lấy sự lắng trong mà soi chiếu mọi hình. Nếu tu theo trời trong sạch cảnh sáng soi, lắng tâm tĩnh thần mà được thông triệt cả trong ngoài thì chí Đạo thành đạt vạy. Còn nếu như ngoài phục dịch theo vật, trong khổ nhọc tâm thần. Tâm thần mờ tối vẫn đục không thể lắng trong thì cách Đạo rất xa vạy. Pháp này ngày xưa tôi thọ học ở Trường Tang Công Tử. Trường Tang Công Tử thọ học ở Thái Vi Thiên Đế Quân, khả năng chứng đắc suốt đạt huyền thông, xa chiếu cùng 8 cực. Pháp trong pháp Động Chân có 4 quy cách đến với Đạo, y cứ

theo 4 mùa mà thực hành, cũng đồng thể với đây vậy. Người xưa nói là: Rõng rang phòng thất rõ ràng tự thân, định được tâm thần thì Đạo tự đến. Điều đó đáng tin thay”. Trương Như Trân y cứ theo đó tu hành 9 năm, trông thấy thấu suốt ngàn dặm, không 1 vật gì có thể ẩn khuất. Đến ngày 18 tháng 11 năm Thiên Giám thứ 13 (514) thời Nam Lương, Trương Như Trân riêng 1 mình vào núi 3 ngày chẳng trở về, đệ tử đi tìm kiếm, mà ao vuông của Trương Như Trân cùng áo Tiên giá cùng kiệu mây, có tiếng tiêu đàn nhạc trống vang nổi xa tít mà bay lên trời. Đến năm Trọng Hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) sắc phng hiệu là “Toàn chân đạo đạo chân nhân”.

Khoảng đầu niên hiệu Khai Nguyên (713) thời tiền Đường, có Tư mã Thừa Trinh, tự là tử Vi, từ Hải sơn cưỡi bè luyện Chân Nam nhạc đến lập am ở phía Bắc Quán cách 1 dặm. Ban ngày có mây trắng hiện nổi, Thừa Tướng Trương Cửu Linh từng đến bái yết đó. Minh Hoàng sai người ekm là Thừa Vĩ Mang chiếu đến mời Giáo Chánh Đạo Đức kinh, tiếp lễ rất nồng hậu, xưng gọi là Đạo Huynh, phàm mọi thứ khí mảnh vàng bạc cúng dường trong Quán thầy đều ban tặng tất cả. Từ ngự trách bài đáp biểu thư qua lại không ngưng dứt. Khoảng đầu niên hiệu Thiên Bảo (742) thời tiền Đường. Có Tiết Quý Xương; người xứ đất Thục, xưa trước ở núi Nga My, chú giải Đạo Đức kinh 2 quyển, sau đó đến ẩn cư tại núi Hoa cái; Nam nhạc, soạn thuật Huyền Vi luận 3 quyển và Đại Đạo tụng 1 bài và chú lược. Đệ tử của Tư Mã Thừa Trinh là Vương Tiên Kiệu ghi tả mà tấu trình, có chiếu ban sắc đến ở Giảng Thánh quán, các thứ khí vật cúng dường, ngự thư bài đáp qua lại không ngưng dứt. Đến lúc ở Cửu Chân quán phụng tạo 1 pho Thánh tượng Thánh tổ thiên đạo huyền nguyên Hoàng đế, và 13 sự thông tỏa ánh sáng, tòa cao 1 trượng 7 thước. Kinh điển gồm cả thầy 670 quyển. Tiên Kiệu mới là Đạo đồng của Bản Quán, tánh tình ưa thích đạm bạc. Nhân đọc xem Liệt Tiên truyện, bèn có tiết tháo vượt ngoài mọi vật, từng cho rằng: “Ngoài 5.000 lời đều là thổ nạng”. Bèn đem trà trong núi vào chốn kinh đô mà giáo hóa, thường đến trong cửa thành mà thí trà. Bỗng 1 ngày nọ, gặp cao lực sĩ, thấy mà lấy làm lạ đó, Cao lực sĩ hỏi từ đâu lại? Tiên Kiệu đáp: “Tôi là Đạo tràng ở Cửu Chân quán tại núi Nam nhạc, vì điện đường hư hoại quá lắm nên đặt cách mang trà lại đây mộ hóa thí chủ”. Lực sĩ vui vẻ với lời nói đó, nhân đó tấu trình cùng Minh Hoàng tuyên kiến. vua Huyền Tông (Lý Long Cơ) vui vẻ với sự thanh tú ấy mà hỏi rằng: “Ông có ước nguyện gì chăng?” Tiên Kiệu đáp: “Nguyện tốt tươi nước nhà thanh ích lợi kinh Đạo hưng”. vua vui vẻ bảo bái kính Tư Mã

tiên sinh làm thầy. Ở nơi nội điện mang đội ban tặng nông hậu rồi Tiên Kiệu trở về núi. Đến đêm mộng cảm Chân nhân Trương Thiếu Vi mà đắc Đạo yếu. Lại có lệnh ban theo hầu Tư mã tiên sinh đến ở nơi Vương thất. Lâu sau, tấu xin rằng: “Năm Khai Nguyên thứ 23 (735) thời tiền Đường, tôn sư Tiên hoa. Xin lấy chỗ ở xưa cũ tại Nam nhạc để làm quán, mong Thánh ân ban viết biển ngạch”. Vua bèn ban chiếu bảo Tiết Quý Xương trú trì tại Giáng Thánh quán, tuyên sắc Thánh tượng và mọi khí cụ cúng dường.

Đến năm Thiên Bảo thứ 12 (753) thời tiền Đường, vua Huyền Tông lại ban lệnh đến Hàng Châu đúc 1 quả chuông và ban sắc tặng cho Đạo quán, âm vận bên trong kích động thì vang xa đến tận Tiêu Hán, chuông nặng 4.000 cân, phía trên khắc hiệu Minh Hoàng Đế ngự chế bài minh rằng: “Chuông đúc ở quận, treo tại quán, đất trời lâu dài chẳng thể tính lường”. Do Phiếu Kỵ Lại Đại Tướng Quân Cao Lực Sĩ trông coi việc chú đúc. Đó là 1 danh khí của trong Chân nhạc vậy. Về sau, đến tháng 2 năm Càn Nguyên thứ 3 (760) thời tiền Đường, gặp phải binh lửa nổi loạn, mọi vật sắt đá đều hư hoại, chỉ còn lại quả chuông đó. Há chẳng phải do nguyên lực mà khiến được vậy thay! Trong khoảng niên hiệu Hàm Thông (860-874) thời tiền Đường, có Vương Cố tiết là bậc Đạo hạnh cao vời, khắp 1 phương ngưỡng mộ, tạo dựng mỗi mỗi đều mới mẻ, xiển giáo đàm kinh, học chúng đông đúc như chợ, vâng phụng sắc chiếu trở về bắc nhạc và phong làm Tổng giáo Đại sư. Đến trong khoảng niên hiệu Nguyên Hựu (1086-1094) thời Bắc Tống. Quả chuông đó bỗng nhiên không thấy qua vài ngày, một ngày nọ lại thấy ở giữa đường phía trước quán, rêu rong tằm thắm, rỗng trên đỉnh chuông bị gãy mất chân phải, bèn lại thỉnh đưa thiết đặt lên trên lầu tương truyền chuông đó cùng cỏ xanh vượt đến đâu tránh với rỗng. Nay phía sau quán có hang Long tân. Cách quán 1 dặm là nơi Tà tiên sinh vốn người xứ Võ Lăng sửa sang lại am Bạch Vân mà ở, thường cùng với Tào Đạo Xung làm bạn thơ ca. Nên Tào Đạo Xung có bài thơ rằng:

*“Cửa động Đào Nguyên, người Võ Lăng
Giẫm ngoài bụi hồng hai mươi lăm
Chỉ vui mây trắng sâu có thú
Chẳng biết mắt xanh gần lại trâu
Đạn cát đà đến lò đất củi
Ngọc ngâm nấu từ đỉnh hòm sâu
Tính kể một trượng ngoài đuôi chày
Bích đàn ba thước lễ nam thân”.*

Về phía Tây có nơi Dực Liệu Vương vốn dòng họ Vương ở lâu sau dời đến Linh Nham rồi đến núi Vân Long mà giải thay. Từ quán về góc phía Bắc cách khoảng 50 bộ có đình Thọ tiên. Phía dưới đình có suối Bạch quy (rùa trắng). Đó tức là suối thứ nhất ở Nam Sơn vậy. Suối đó từ hóc sườn núi tuôn vọt lên, nước lắng trong mát ngọt, sắc màu biến đổi theo sớm chiều, tuy các dòng suối danh tiếng ở Nam Sơn không đâu hơn suối đó. Người nào uống được nước suối đó, đã không bệnh mà lại sống thọ, trong suối có 1 con rùa sắc trắng, lớn bằng đồng tiền, trắng tợn ngọc, ẩn trong hóa đá, hiếm ít người thấy được, như ai gặp được đó tức là tốt lành mà còn kéo dài thọ mạng. Tương truyền rằng: “Lúc rùa đó ra thì Tiên đến, rùa đó ẩn thì Tiên đi”. Mọi người đề thơ cũng lắm nhiều, chỉ có dã nhân Hoàng Phủ Hoán nói là:

*“Linh đài, bụi chẳng bám
Bụi bám chẳng Linh đài
Mến thay suối trong này
Từng gá Linh vật lại!”*

Kể ngu tôi (?) mấy năm gần đây dựng am ở tại phía Bắc suối đó, cách núi xa khoảng 5 dặm, nhân đi hái thuốc thường dừng nghỉ tại Đình đó, thường khâm chuộng tán thán sự kỳ lạ ấy rằng: “Vắng lặng trong vũ trụ, phàm các bậc chân tiên ẩn hóa ở suối Bạch quy, tính ra đó là nơi thứ 3 vậy. Mùa thu năm trước kể ngu tôi đến nương nấu tại núi này có ý tính trọn muốn ở đó. Đã 3 lần chuyển dời chỗ ở, đến phía Đông của Chu Lăng, nơi vườn thuốc xưa cũ của Sam Vương Thị mà ở, vừa cùng gần với đó, chẳng phải là ngẫu nhiên, nhân thành 1 bài thơ, lờ dối ghi viết ở đó. Trong thiên hạ có 3 nơi có rùa trắng, đó là núi Hiển di, Thiếu thất, và đình Thọ tiên. Nay tôi chọn xây dựng ở đỉnh Nam sơn được đó làm gần Chúc thọ linh. Tại Cửu chân quán có Cửu tiên các, phía sau các, xưa cũ có Lan anh các. Năm Trọng Hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, vua Huyền Tông (Triệu Cát) đổi ban biển ngạch như hiện nay vậy.

*** *Giáng Thánh quán.***

Giáng Thánh quán cách Cửu Chân quán khoảng 1 dặm, xưa trước gọi là Bạch vân am, là nơi Tư Mã Tử Vi tu hành, nhân đệ tử là Vương Tiên Kiệu tấu xin vì lấy am của Tiên sư làm thành Quán, được ban biển ngạch và thân triệu. Ban sắc Tiết Quý Xương chân nhân ở Cửu Chân quán kiêm nhậm trú trì.

*** *Cửu Tiên cung.***

Cửu Tiên cung tại phía Đông miếu cách khoảng 12 dặm, được tạo dựng trong khoảng niên hiệu Thiên Giám (502-520) thời Nam Lương.

Xưa kia, Vương Xử Dư từ Trung cung huyện hạnh đã hoàn bị xung tịch, sau dời đến đó ở, chầu tinh đầu tư duy huyền vi, một ngày nọ được Thiên chân nghinh rước. Lại có Đặng Úc Chi là người xứ Tân dã; Nam Dương, thuở nhỏ mộng thấy có 1 con chim nhà ẩn mà cho, từ đó trong nhân gian có người mắc bệnh thì dùng ẩn ấy mà trị cứu, cầu làm phù chương, người bệnh tự nhiên lành, về sau cùng với Từ Linh Kỳ kết bạn phương ngoài, chu du khắp các danh sơn, tìm hỏi những bậc thượng sĩ, gặp được bậc chí nhân truyền cho thuật Kim đánh hỏa long. Đến năm Nguyên Huy thứ 3 (475) thời Tiền Tống, Từ Linh Kỳ đã thượng thăng, Đặng Úc Chi đến ẩn cư tại cửa động, mới bồi hồi ngoài hồ về phước địa động thiên, không nơi nào chẳng giẫm trải qua, song mắc phải hoạn Đan tài không đủ sức có thể thiết đặt, nhân có Hữu Ty tấu trình Thiếu Vi Tinh tại Nam Sở, vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550 thời Nam Lương) ban sắc giám quân tìm phỏng, ban chiếu hỏi cầu gì? Đặng Úc Chi nói: “Bần đạo tu luyện Kim địch mà khuyết thiếu Đan tài”. Vua Võ Đế bèn ban cho vàng bạc của cải, hứa cho đến phước địa động chân ở Nam nhạc chọn nơi u thắng, thiết đặt 3 cung thượng, trung, hạ để tu luyện Đan nội ngoại. Một đêm nó có thần nhân đến bảo cùng Đặng Úc Chi rằng: Gần Đại động là Hương Chiêu hước là làng Diên Sinh, khéo nên ghi nhớ chớ quên, sau này Đan ông sẽ thành, lại dời đến phía Đông núi Tử cái”. Đến ngày 30 tháng 12 năm Thiên Giám cuối cùng (520) thời Nam Lương, có 8 chân nhân cưỡi cánh từ núi Cái vân giáng hiện đến trong thất, tức là 8 chân nhân đã đắc Đạo trước kia vậy, khi ấy tự nhiên Thạch đàn bay lên trời. Đến năm Trọng Hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, vua Huy Tông ban sắc phong hiệu là “Siêu Chân Tập Diệu Chân Nhân “.

Lại nữa, năm Hàm Thông thứ 9 (868) thời tiền Đường, Hàng Châu Thứ Sử Trương Địch tấu trình xin đặt biển ngạch của Quán, qua tháng 10 năm sau (869) vua Tuyên Tông (Lý Thầm) ban sắc nên y cứ theo sự tấu trình. Lại nữa, trong khoảng niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời tiền Đường Minh Hoàng (Huyền Tông - Lý Long Cơ) ban chiếu tặng Thần triệu rằng: “Núi Tử cái có cung Cửu tiên tại Thạch Đàn”. Các bậc hiền giả xưa trước từng ca vịnh về cung Cửu tiên, đại lược là:

*“Một núi xếp bày mở một Quán
Mảnh đá bạn cùng chín tiên hội
Dia đá còn ghi Triệu Minh Hoàng
Linh mộng thường nghe ngự sử truyền”.*

Lại nữa, trong niên hiệu Cảnh Hựu (1034-1038) thời Bắc Tống,

với Quán xưa cũ, Văn Điện Học Sĩ Tôn Cái làm Ngự sử tấu trình hỏi việc trái nghịch Thánh chỉ, bèn bị biếm đưa đến Vinh châu, mộng thấy có Đạo sĩ đem ruộng mà gởi nhờ. Về sau dời đến Đàm châu, nhân cúng tế Nhạc âm, đem mọi sắc vật để cầu điều mộng bèn được tôn tượng Vương Quân tại cung Cửu tiên, bèn ban tịch trong huyện tìm tòi tất cả ruộng của cung, quả nhiên ở gần Quán có đất bị lấn chiếm làm. Việc ấy nói rõ ở quyển Hạ. Đến năm Tuyên Hòa thứ nhất (1119) vua Hy Tông (Triệu Cát) cải đổi ban sắc biển ngạch như hiện ngày nay. Phía sau có động lớn (nay gọi đó là Tiền động vậy) và nền móng am Đan hà.

*** Chùa Quán Âm.**

Chùa Quán Âm tại phía Đông miếu cách khoảng 13 dặm, đường đá quanh co, tại dưới phía Nam núi Vân mật, do Mã Thị tạo dựng. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Thái Tông (Triệu Quýnh) cải đổi ban sắc biển ngạch là chùa Phổ Tế, gần đây đã bị hư phế. Về phía Tây bắc có nhà thuốc của Trần tiên sinh. Trần tiên sinh vốn người Thương Ngô, thường tu pháp Thái âm huyện tự cùng Dương Thái Sơ là người đồng hương gặp được chân nhân Niếu Thiệu Nguyên truyền cho pháp Nhị cảnh cao môn, sau khi tu thành bèn theo hướng Tây vào Tam đô.

*** Chùa Vân Phong Cảnh Đức.**

Chùa Vân Phong Cảnh Đức tại phía Đông miếu cách khoảng 15 dặm, phía sau tựa núi Vân mật, phía trước gần khe Võ, phía Tây có hang Đại Võ, là nơi Võ Vương truyền Ngọc Văn, chùa được tạo dựng trong khoảng niên hiệu Thiên giám (502-520) thời Nam Lương, chùa có Cao tăng Pháp Chứng, vốn người dòng họ Quách, đi Tây Trúc học Đạo 57 năm, trở về thiết lập Giới đàn, nhóm chúng giảng Đạo sau đó mới thị tịch. Môn nhân đệ tử có các vị như là: Sa-môn Tuyên, Viễn, Chấn, Tốn, Tố v.v... hơn 3.000 người. Các bậc Trưởng lão đều nói là: “Thầy tôi là bậc mô phạm đạo hạnh cao vời, khí vũ rộng lớn. Như người đến tìm cầu học luật, thì Thầy tôi đem sự tôn nghiêm chỉnh tề mà chỉ dạy cho, bày rõ nghĩa khế, khiến người biết điều đáng nên làm. Như có người tìm cầu học hỏi Đạo lý thì Thầy tôi đem sự cao rộng thông đạt mỗi mỗi rõ ràng về Hữu và Vô, khiến người biết điểm hướng đến. Nên các bậc nguyên thần thạc lão đều cúi đầu thọ giáo, các hàng tuổi trẻ đầu xanh cũng mừng vui nhảy nhót vâng theo thực hành. Nên theo sự chỉ dạy của Thầy tôi mà giáo hóa được hơn 50.000 người. Mở mang rộng lớn chùa nhà cửa”. Đến trong niên hiệu Kiến Long (960-963) thời Bắc Tống, chùa có trùng tu sửa sang. đến trong niên hiệu Đại trung tướng phù

(1008-1017) thời Bắc Tống, vua Chân Tông (Triệu Hoằng) ban sắc biển ngạch là “Cảnh Đức”. Tại chùa có Hội Thánh các, Tề vân các, Dưỡng đình, Thanh chiếu đình, Tùng phong đình, 2 dòng suối Quán Âm mộng ứng đều rất mực đẹp xinh. Nên chuyển vận Phó Sứ Lục thẩm lưu lại bài thơ vịnh rằng:

*“Cung biếc trong tuyệt chiếm núi cao
Nổi bày phía Đông Chu Lăng báu
Rảo khắp rừng thiền về nghỉ muộn
Khe Vĩ chéo trời chiếu tan phong”.*

*** Chùa Diên Thọ.**

Chùa Diên Thọ tại phía Đông miếu cách 16 dặm. Từ đó về phía Bắc có nền móng chùa Tôn Thắng.

*** Chùa Bạch Vân.**

Chùa Bạch Vân tại phía Đông nam nhạc cách khoảng 18 dặm, không rõ được tạo dựng thời nào. Tại dưới núi Bạch Vân, có Bạch Vân động và Long Đàm, như người nào có mong cầu gì mà thiết bày các vật tanh nồng, xúc chạm tức liền nổi sấm gió, hang cốc tối tăm đen nghịt, mọi người phần nhiều rất khiếp sợ. Và đó cũng là cửa thuận tiện ở phía Đông của Chu Lăng vậy.

*** Chùa Thất Bảo.**

Chùa Thất Bảo tại phía Đông bắc của Nam nhạc cách khoảng 35 dặm. Xưa kia Cao tăng Huyền Thái hiệu là Bố Nạp ở đó, rất tinh thông thiền lý khéo giỏi về thi ca. Mỗi lúc có dân chúng ở địa phương làm ruộng ngon cảm mắc bệnh, nhân đó làm bài về về ruộng núi, đại khái là:

*“Do nói năm nay gieo chẳng nhiều
Song năm mở phá sườn núi thêm
Nước nhà núi Thọ còn như vậy
Lý ấu chẳng biết ra thế nào!”*

Mã Thị nghe thế bèn cấm ngăn. Tháp đá Phước nghiêm và kiên cố cùng gần đó, phía dưới có dòng suối tuôn vọt.

*** Chùa Sùng Quả.**

Chùa Sùng Quả tại phía Bắc Nhạc sơn cách 50 dặm.

*** Chùa Phổ Tế.**

Chùa Phổ Tế tại phía Bắc Nam nhạc cách 35 dặm. Phía dưới có đầm rồng. Phía Đông chùa có 3 bếp luyện đan thượng trung hạ của Lý chân nhân, tại bếp trung có nguồn nước, những lúc nắng hạn như có ai mong cầu, không điều gì chẳng được cảm ứng, mọi người tham quan

hiếm ít tới đó.

*** Quang Thiên quán.**

Quang Thiên quán tại phía Bắc miếu leo lên núi cách 35 dặm, căn cứ theo “Phước địa chí” nói là: Quán đó thuộc hệ phước địa trong 22 đàn Thiên quang. Trong thơ “Động uyên tập” nói là:

*“Thái cực phân hình tượng tợ đàn
Mây trắng khóa sâu đường hang yếu
Tự nhiên ngàn xưa ngậm xuân sắc
Chiếu soi hiện tại Chúc thọ sơn”.*

Có thuyết nói là: Trong niên hiệu Thiên nghiệp (?), cải đổi Quán làm thành chùa tức là chùa Thượng Phong ngày nay vậy. Lại theo “Nam nhạc thập bát Cao tăng truyện” nói là: “Đầu niên hiệu Quang thái (567) thời nhà Trần. Đại Hòa thượng Huệ Tư lãnh dẫn đồ chúng đến đó, xây dựng các làm chân. Nơi chỗ đồ chúng trên dưới kinh hành nghe pháp, thì Quang thiên quán riêng có nền móng. Phía Tây có Phước địa; Thanh ngọc đàn, nay nhà Phật cải đổi gọi đó là Đàn La-hán Hành Đạo.

*** Chùa Thiên trụ.**

Chùa Thiên trụ tại phía Bắc của miếu leo lên núi cách khoảng 18 dặm, nằm dưới núi Thiên trụ. Ở gần núi thì Thiên trụ là nơi cao nhất, chùa nằm giữa lưng chừng núi, lầu các lấm nhiều đan xen, gần chùa-di-đà, vào ra giữa khoảng mây khói, người ở nghi ngờ như là trong hư vô. Bảo Chân cư sĩ có bài thơ nói rằng:

*“Phước nghiêm thẳng lên nhìn Thiên trụ
Lầu điện lả tả dựa trời xanh
Tức nhìn Phước nghiêm như vời vẽ
Lại gần mưa khói khéo mông lung”.*

Phía dưới chùa có tháp 2 đời của Hòa thượng Huệ Tư. Núi có Hương Vong, chu vi rộng khoảng vài dặm, phần nhiều sinh mọc loại hương bạch chỉ, tương truyền giống ấy do Ngụy phu nhân trồng nên vậy.

*** Chùa-di-đà.**

Chùa A-di-đà tại phía Tây bắc của miếu leo lên núi cách 20 dặm, tại dưới núi Di Đà, ngửa nhìn lầu các tợ như trong tranh vẽ. Vua Tuyên Tông (Lý thềm 860-874) thời tiền Đường ban sắc biển ngạch là Đạo tràng Bát Nhã. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Thái Tông (Triệu Quýnh) ban sắc biển ngạch như hiện ngày nay. Cư sĩ Bảo trực đi phỏng tìm, gặp 1 vị Tăng đi ra đều không có 1 vật gì. Hỏi rằng: “Chư tăng đều vào trong thôn mà sinh hoạt,

từ lâu chẳng đến đây”. Nên có để lại 1 bài thơ rằng:

*“Rêu phủ điện Phật khói chẳng xông
Trợn ngày bay bụi gần bít cửa
Tuy là Đạo nhân quên mùi thối
Hỏi ông mũi miệng có còn không”.*

*** Chùa Thanh Hóa.**

Chùa Thanh Hóa tại phía Tây bắc miếu leo lên núi cách 25 dặm, bị hoang phế đã lâu, nay có Dã nhân ở đó. Phía đàn Tùng cốc truyền kinh.

*** Chùa Vân Cảnh.**

Chùa Vân Cảnh tại phía Tây bắc miếu leo lên núi cách 25 dặm, gọi là Trung động, do Mã Thị tạo dựng nên, chỉ phá phòng thất khoảng 3-4 gian. Tương truyền: Trong khoảng niên hiệu Thiên phục (901-904) thời tiền Đường, am vũ lắm nhiều, nay đều đã bị hư phế từ lâu. Bên cạnh đường lớn có 2 gốc cây sam lớn đều thẳng đứng chu vi đường kính khoảng vài trượng cao vút ngoài tầng mây, hùng tráng rất đáng sợ. Có thuyết nói: Xưa kia Thái tử Chân Tông thời tiền Đường thường nghỉ tại đó, thấy 2 vị tướng quân đến bái tạ, bỗng nhiên biến mất, nhân đó mà xưng gọi là song tướng quân.

*** Chùa An Bảo.**

Chùa An Bảo tại phía Tây bắc miếu leo lên núi cách khoảng 35 dặm. Đó là nơi trạm tiếp đãi Tiên dùng khoang gỗ để kang đá mà có được sách trời, rừng cây tươi tốt che kín, nay đã bị tàn phế.

*** Chùa Bảo Tích.**

Chùa Bảo Tích tại Động hạ tại phía Bắc Nam nhạc leo lên núi cách 30 dặm, hiện tại chỉ còn phòng thất trống không.

*** Chùa Thái Bình.**

Chùa Thái Bình gần Động Hạ, hiện chỉ còn phòng thất bị hư phá, tại dưới phía Tây núi Trắc dao.

*** Chùa Bảo Lâm.**

Chùa Bảo Lâm tại sau núi Chúc Dung, phía trên suối phong trang, gọi đó là Động hạ, chỉ bị hư phá phòng thất vài gian mà thôi.

*** Chùa Hóa Thành.**

Chùa Hóa Thành qua khỏi núi khoảng 50 dặm, không có gì xinh đẹp khác lạ đáng nói.

*** Chùa Nam Châu.**

Chùa Nam Châu qua khỏi núi khoảng 55 dặm về phía Đông, trông nhìn gò đồi nhạc sơn toàn một màu xanh biếc.

*** Chùa Vân Khê.**

Chùa Vân Khê qua khỏi núi cách khoảng 70 dặm, tại dưới núi Hoàng tướng, ngay đường giữa của Thiệu châu, tre dài che phủ xanh, cây cối kỳ lạ lắm nhiều, phía Đông là núi Vọng dung cao cắm giữa mây.

*** Chùa Bạch Mã.**

Chùa Bạch Mã gần chùa Hoàng Long. Núi hang có Võ Vương Viết Phù Sắt mà hóa thành hạc trắng, nay gọi đó là hang Phi phù, cũng gọi là hang Bạch hạc, lại còn gọi là Đạo quán xưa cũ. Phía dưới có kho lẫm bằng đá, tự nhiên mọi vật thường đầy, nay nền móng kho lẫm ấy hiện còn.

*** Chùa Tư Phước.**

Chùa Tư Phước gần chùa Hoàng Long, rất là sâu kín.

*** Chùa Hoàng Long.**

Chùa Hoàng Long tại Trung động, có nền móng am cốc xưa cũ của Thiền sư khai sơn Phật quang đang hiện còn. Bạch Cư Dị ở thời tiền Đường có bài thơ rằng:

*“Trăng rơi sáng lánh điện đường mới
Gió quấy vận trong tùng sam xưa
Hỏi sư ngạch báu nhân gì lập
Cười, chỉ khe ngang có rồng nằm”.*

*** Chùa Cao Đài Huệ An.**

Chùa Cao Đài Huệ An tại Hậu động phía dưới núi Diệu cao, gần chùa Phương Quảng, thế núi suy xét, cảnh vật so với phía trước núi chẳng sánh bằng. Đến trong thời nhà Tống chúng ta mới ban sắc biển ngạch như hiện ngày nay. Từ chùa tới phía trước khoảng 50 bộ là nơi hiểm tuyệt, trên đá có dấu vết tướng trạng như vết bánh xe. Theo “. . . ký” nói là: Xưa kia có 500 vị A-la-hán ở đó, nghe Hòa thượng Huệ Tư sắp đến, mới cùng nói với nhau rằng: “Chủ núi sắp đến, chúng ta nên lánh đi”. Và bèn dời đến ở nơi khác, nay dấu vết hiện còn vậy. Lại theo “. . . ký” nói: Đó là dấu vết do quỷ vận chuyển lương thực đến cúng trong nhà trù. Lại về phía Tây có nguồn nước, xuất phát từ dưới hang đổ ra, chẳng biết gốc gác từ đâu, tự gọi đó là nguồn Linh. Trong thời nhà Tống chúng ta, có ngôi am của Tăng sĩ Tông Bính tại trên nguồn Linh, nay tức là am Ba tiêu (lá chuối) vậy, nền móng vẫn hiện còn. Tại chùa có 2 tảng đá có dấu vết của Đức Phật, mỗi dấu vết dài thước 8, hiện rõ 6 tác. Phía dưới chân có 2 tùy cầu và ấn đều như đường Văn Triệu, nói là từ Tây Vực đến. Hành Dương lệnh Trương Quân có đề bài thơ Cao

đài rằng:

*“Muôn dặm nơi riêng cao
Khói mây xa tít trời
Nguồn linh tiếng chẳng dứt
Dấu vết in lỗ loang
Chim núi kêu không sợ
Mây khe thường tự bày
Tựa hành lan buông mắt
Xoay đầu chán trần ai”.*

Về phía Đông bắc có mục am, là nơi Trung đạo ở đó, chẳng tu phạm hạnh, ban đêm hay rảo bước khắp các hang cốc, không sợ trùng độc hổ rắn, nóng lạnh chẳng xâm, gặp mưa gió cũng không mang đội tới nón, thường dùng lời ngay thẳng để chỉ bày cho người và đều có sự chỉ dạy, sau đến ở tại Hoàng Long, lâu sau thì qua đời.

*** Chùa Phương Quảng Sùng Thọ.**

Chùa Phương Quảng Sùng Thọ tại phía Tây Nhạc sơn cách Hậu động 40 dặm, gần chùa Cao Đài tại dưới núi Liên Hoa. Phía trước soi chiếu núi Thạch lâm, bên cạnh tựa vào Thiên đường. Theo truyện ký nói là: “Khoảng đầu niên hiệu Thiên Giám (502) thời Nam Lương, có Tăng sĩ Hy Tuần, nhân an cư kiết hạ tại Thiên Thai gặp Tôn giả Huệ Hải, sớm tối Hy Tuần chăm lo hầu hạ. Tôn giả Huệ Hải bảo rằng: “Sẽ cùng gặp ông tại chùa Phương Quảng ở Nam nhạc”. Kịp đến lúc Hy Tuần đến Nam nhạc phỏng tìm chùa Phương Quảng thì trọn không có, sau đó bỗng nhiên gặp một ngôi tinh xá hiệu là Phương Quảng, có quỷ thần vận chuyển lương thực, lại có trâu vàng cưỡi chỏ, chốc lát lại thấy Tôn giả Huệ Hải bước ra cửa, hỏi rằng: “Sao ông đến chậm vậy?” Hy Tuần xin nghĩ lại. Tôn giả Huệ Hải bảo rằng: “Nơi đây là chỗ ở của 500 vị Tôn giả, ông nên lên ở đỉnh núi phía Tây bắc”. Ở nghỉ lại một đêm rồi đi. Vừa bước ra khỏi cửa thì Tôn giả Huệ Hải và chúng Tăng chùa Phương Quảng bỗng nhiên biến mất. Hy Tuần bèn y theo lời chỉ bảo đó, lập am mà ở. Về sau, xây dựng thành chùa Phương Quảng. Đến trong triều đại nhà Tống chúng ta mới ban sắc biển ngạch là Sùng Thọ, nay gọi đó là nền móng của chùa Thánh Thọ vậy, vào nửa đêm thường nghe có tiếng chuông khánh, ra ngoài hang núi thấy có ngọn đèn Thánh, khoảng trong niên hiệu Nguyên Phong (1078-1086) thời Bắc Tống, tại núi bỗng bão lớn phát nổi, tức là Hòa thượng kỷ khai sơn đất tích trượng đời chuyển xây dựng chùa ngày nay. Lý Bạch có một bài thơ vịnh về chùa Phương Quảng rằng:

*“Chùa Thánh, nhàn nghỉ ngủ tỉnh giấc
 Khi ấy nơi nào rất sâu trong
 Đầy cửa trăng soi, gió trời lắng
 Khánh ngọc cùng nghe vài tiếng vang”.*

*** Chùa Bảo Khánh.**

Chùa Bảo Khánh tại phía Tây nam chùa Phương Quảng, chuông khánh giao âm, cây rừng cách biệt.

*** Chùa Linh Động.**

Chùa Linh Động tại phía Tây bắc Nhạc sơn, Hậu động là Tiên sơn của Cao đài, núi rừng xanh kín, khí núi thường ùn nổi, Hậu động tiếng vượn nghe như Ba Hạp, các người đi săn không sao bắt được, bởi thường luôn có nhạc thần bảo hộ. Lại có cầu Minh Nguyệt bắt thẳng lên đỉnh cao, có tháp Thiên thành tầng cấp tự nhiên, cao ước khoảng 5 tầng, dưới rộng trên bén nhọn. Nếu chẳng cần việc tốt lành thì chẳng thể một lần phỏng hỏi, bởi sợ đường hiểm mà xa vậy.

*** Chùa Quốc Thanh.**

Chùa Quốc Thanh ở Hậu động, tại dưới phía Tây núi Thạch lẫm, Tiên sơn của Cao đài, gần chùa Linh Xuyên, chuông khánh cùng giao vang.

*** Chùa Linh Xuyên.**

Chùa Linh Xuyên Hộ quốc tại Hậu động, gần chùa Quốc Thanh.

*** Chùa Minh Khê.**

Chùa Minh Khê tại phía Tây cầu Mã tích gần hang Kim quy, cách Nhạc sơn khoảng 70 dặm. Xưa kia có người ẩn dật Lý Tư Thiện ở tại hang Kim quy, về sau đi đến La Phù. Lại có Cao tăng Huệ Giám ở đó, bỏ ăn dùng cơm gạo tư duy thiện pháp. Thư tề đều đã hư phế, về sau có vị Tăng sửa sang lại làm thành ngôi phạm sát.

*** Chùa Pháp Luân.**

Chùa Pháp Luân tại phía Tây nam Nhạc sơn cách khoảng 70 dặm, hệ thuộc dưới núi Cú Lũ; Hàng dương, được xây dựng trong khoảng niên hiệu Hàm Hòa (326-335) thời Đông Tấn, hiệu là chùa Vân long. Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) thời nhà Tùy, có Cao tăng Đại Minh ở đó. Đến cuối thời tiền Đường, chuyển dời xuống núi, Mã Thị lại cải đổi tên là chùa Kim Luân. Hoặc có thuyết nói là: “Đó là nơi trang trại Mã Thị vậy”. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống. vua Thái Tông (Triệu Quýnh) lại cải đổi ban sắc biển ngạch như hiện nay. Bao quanh chùa có vài vạn cây tùng cây sam. Mỗi lúc gió kích động, tiếng cây rừng xao động như sóng biển. Chùa có bài

ký khắc ghi vào đá do Sầm Văn Bản ở thời tiền Đường soạn thuật, và bia thơ nói về núi Cú lữ của Hàn Dũ cũng tại đó, theo tương truyền là bia của Võ Vương tại trên chót vót núi đó. Xu Mật Chiết Công lưu đề lại rằng:

*“Đường xoay đánh gập ghềnh
Nước chứa ruộng uốn quanh
Rừng tốt sâu tựa biển
Chùa xưa rất như vực
Cú lữ chưa thể đến
Bia Võ chân mạn truyền
Rừng Tây về sợ muộn
Muốn đi lại mật mờ”.*

Tại chùa có suối Phổ dung và am Đạo nhân.

*** Chùa Tây Lâm.**

Chùa Tây Lâm cách Hành dương khoảng 50 dặm, tại phía Tây nam Nhạc sơn cách khoảng 50 dặm.

*** Chùa Hội Thiện.**

Chùa Hội Thiện tại phía Tây nam Nhạc sơn cách khoảng 90 dặm, tức chùa Trọng Lý xưa cũ được tạo dựng trong khoảng niên hiệu Hàm Hòa (326-335) thời Đông Tấn, là nơi thiền hội của 18 Cao tăng trong Nhạc sơn; tại dưới núi Hội thiện. Trong thời tiền Đường, Sa-môn Huệ Nhật soạn “Thập bát cao tăng truyện” tức ở thời nhà Trần có Cao tăng Huệ Tư, ở thời nhà Lương có Cao tăng Huệ Hải, ở nhà Tùy có Cao tăng Trí Dĩnh, Đại Thiện, Tăng Chiếu, Huệ Thành, Đại Minh, Huệ Đồng, Huệ Điều, Huệ Thành, Huệ Đàm, Thiện Phục, Đàm Giai, Nghĩa Bản, Nghĩa Hạo, Ngô Thật, Đạo Luân và Trí Minh.

*** Chùa Phổ Tế.**

Chùa Phổ Tế tại phía Tây nam miếu cách 80 dặm, xưa kia đó là chùa Long Vương vậy. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Thái Tông (Triệu Quýnh) mới ban sắc biển ngạch như hiện ngày nay.

*** Tầm Chân quán.**

Tầm Chân quán cách miếu khoảng 90 dặm tại phía Bắc thành Hành Dương, Quán trấn sông lớn, có chiếc trống đá. Hậu động là cửa phía Tây của Chu Lăng, là nơi Bạch chân nhân Huân luyện sư phi thăng vũ hóa ở thời tiền Đường. Tiên nhân Thạch khác có bài thơ “Tiễn đưa Điện Trực Lô Thừa Hạo Phụng Mạng Hành Dương” toàn bài là:

“Hành dương cách đây khoảng ba ngàn

*Một đường dằng dặc rất thẳng nhiên
Sâu xa tường cửa ngoài Tam sở
Gió trong ao quán trước năm non.
Phía Tây giếng chợ khách buôn lại
Đông Nghi, châu thấp nhóm thuyền câu
Ông lui chỉ nên không việc khác,
Chu Lăng, Hậu động hỏi Tiên thân”.*

Theo “Tương Xuyên Ký” nói là: “Trống đá đó có lục tự kêu vang tức là có binh lính nổi dậy”. Hoặc có thuyết nói: Lô Long đẩy trống vào trong đầm. Lô Long, không rõ tên tự là gì, nay xét nghiệm ở trống cũng nói là” Miếu Lô Long, không biết được dựng lập vào thời đại nào. Đến tháng 08 năm Long sóc thứ nhất (661) thời tiền Đường, vua Cao Tông (Lý Trị) ban sắc sai Đạo sĩ Quách Hành Chân cúng tế Nhạc sơn, nhân đó phá hủy miếu không cúng tế. Từ đó về sau dân chúng trong quận mắc phải tai hoạn, đến nay trăm họ mới lập đền phụng thờ lại. Năm Trinh Quán thứ 5 (631) thời tiền Đường, Tướng công nhà Tề xưa cũ đến ở đầu núi đó tạo dựng đình Hợp giang. Đỗ Tuân Hạc ở thời tiền Đường có đề bài thơ Tâm Chân Quán là:

*“Lặng lặng cửa mây trắng
Tâm chân chẳng gặp chân
Cầu ứng hạc trên tùng
Bèn là người trong động.
Vườn thuốc hoa hương lạ
Suối cát dấu chân nai
Đề thơ lưu tên họ
Ngày sau cùng đây thân”.*

Lại nữa, trong niên hiệu Đại trung tướng phù (1008-1017) thời Bắc Tống, có Sướng huyền tiên sinh Thạch Trọng Nguyên ở Thê Hà động tại Quế Lâm trú trì, là bậc Đạo hạnh siêu tuyệt, thơ tả hay giỏi, kinh doanh mỗi sự mỗi đổi mới, xây dựng lại hàng hiên Bạch Vân, nhìn xuống dưới cỏ tốt vượt, phía trước có Bạch Vân đường vào ao sen trắng. Từ năm Bình Dấn (1146) thuộc trong niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Bắc Tống, kẻ ngu tôi (?) Độ hạ tại Bạch Vân đường đó, cũng có lưu lại 40 chữ, tuy chẳng đủ phưởng phất, song đối với Tiền hiền chỉ biết mọi sự của Chu Lăng, với lời thơ đó là:

*“Tôi mến cảnh Tiêu tương
(Quán đối diện với cửa Tiêu tương)
Chu Lăng, Hậu động thiên*

*Khách trong Bạch Vân đường
Cỏ xanh phủ đầu ngủ
Thuyền nhỏ câu cá chép
Ao sâu trồng sen trắng
Di chân chịu đất ấy
Gió trăng vẫn y nhiên”.*

Đến trong niên hiệu Cảnh Đức (1004-1008) thời Bắc Tống, vua Chân Tông (Triệu Hằng) mới cải đổi ban sắc biển ngạch như hiện ngày nay.

*** Chùa Thạch Cổ.**

Chùa Thạch Cổ tại trên động Thạch Cổ (trống đá), trông nhìn phía dưới là dòng sông lớn, gần Niếu đức, nay cải đổi làm thư viện. Đến năm Tân dậu (?) thuộc niên hiệu Cảnh Định (?) Hiến Sứ Du Công xây dựng lại, quy mô rất hùng tráng.

*** Chùa Đông Lâm.**

Chùa Đông Lâm gần biên giới Hành Dương. Trong thời tiền Đường, có Từ An Trinh (tên phạm húy miếu) trốn lánh việc triều đình, dối giả ngọng câm đến ở chùa, nhân đó mà xây dựng điện Phật, không có người ghi viết và xa nhà. Từ An Trinh là tay nghề ghi viết, vì gần mọi người nên chúng Tăng trong chùa bảo ghi chép đó, vết chữ rất cứng mạnh, mọi người trông nhìn đều kinh ngạc, về sau có Lý Ung rảo bước đến núi, trông thấy chữ viết mà kinh lạ, bèn mời ra đồng về kinh đô lại. Đó tức là nền móng vết tích xưa cũ vậy. Thị Lang Lô Tương có đề bài thơ là:

*“Thu đến chân núi một chiều đề
Tên cùng giúp Lô Tấn giết Tề
Đất trời tấy căn bay lá rụng Ráng
mây in ảnh thoáng khe mình Dậy
hoang phủ ổ quán sừng trâu Tốt
mạnh dán khói ướt chân ngựa
Còn ghi hái cỏ thời tiết bà
Nương dâu gà gáy ruộng chùa Tây”.*

*** Phổ Hiền quán.**

Phổ Hiền quán tại phía Nam núi Cú lữ, dưới là bên tả của đường Hành Dương, do Đạo sĩ Hứa từ tiên sinh Trương Chí Đàm khai sơn trong khoảng niên hiệu Vĩnh Minh (483-494) thời Nam Tề. Đến trong thời Nam Lương, Chu Tĩnh Chân là thầy của vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) trú trì tại đó. Mây nước tụ hội đều như là trên biển, người lạ đến

giảng đường đông như chợ, không ngày hở trống. vua ban sắc tên gọi là Phổ Hiền. Đến thời tiền Đường có Trần Pháp Minh tiên sinh ở đó tu hành nhân hiến, trong niên hiệu Lâm Đức (664-666) thời tiền Đường, vua Cao Tông (Lý Trị) có vờ vào nội, chẳng nhận sự vinh hoa sủng ái, xin trở về lại núi, được vua phong là Ngộ Chân tiên sinh. Đến năm Tuyên Hòa thứ nhất (1119) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) ban sắc phong là Xung Chân.

*** Chùa Vô Ngại.**

Chùa Vô Ngại tại phía Tây Nam của miếu, tương truyền là chùa được xây dựng vào cuối thời nhà Tấn.

*** Chùa Phước Xương.**

Chùa Phước Xương cách miếu về phía Tây khoảng 20 dặm. Bên cạnh có đầm rộng và gần chùa Tây Minh.

*** Chùa Tây Minh.**

Chùa Tây Minh tại dưới núi Thạch lẫm, ở phía Bắc có động Tây Minh. Xưa trước có am vũ, nay đều đã hư phế.

*** Ngọc Thanh quán.**

Ngọc Thanh quán tại phía Nam núi Thạch lẫm cách miếu leo lên núi cách khoảng 15 dặm, được tạo dựng khoảng đầu niên hiệu Vĩnh Hưng (?) thời nhà Tề. Trần chân nhân hứ là Huệ Độ, người xứ Dĩnh Xuyên, mới đầu ở tại Mao Sơn hái cỏ linh dị, mang ra đổi bán để uống rượu vài năm không ăn gì, về sau đi đến hương Nam gánh 2 hòm rương toàn các loại vàng đá. Đến Nam nhạc, chọn nơi u thắng, cáo khấu đất trời phát thẻ luyện đan, nửa đêm bị phá thất nhiễu loạn, 3 lần nâng đất lò Đan, chuyển vận đá bít lấp, chỉ giữ tâm thâm kín ngồi trên tảng đá trì tụng kinh Hoàng Đình, đem mang Ngũ nhạc chân đồ hình, chí khí càng thiết kính, được âm thầm cảm cách, Đạo lực ngậm phò trì, bắt được ly my, yêu khí dần tan, quỷ ấy kinh sợ buồn khóc. Chân nhân lại bảo dựng đá phát thẻ khỏi giết hại, xua đuổi hình quỷ ra xa ngoài biên giới cảnh vực. Về sau, Đan thành, khí sáng tỏa khắp núi, soi chiếu cùng xa gần, sau, đượm phục đó. Đến ngày 13 tháng 5 năm Vĩnh Minh thứ 3 (485) thời Nam Tề, Trần chân nhân Xung Thiên. Đến năm Trọng Hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, vua Hy Tông (Triệu Cát) ban sắc phong hiệu là Xung hư nguyên diệu chân nhân. Nay ở trên đỉnh nền móng quán đó hiện có Đài Đan, đá quý dựng, hang sấm gió, đàn tụng kinh, suối Đan. Gần đây có vị Tăng sĩ đến nơi nền móng quán, xây dựng ngôi chùa đặt hiệu là Quang Minh, sau đó không lâu cũng lại bị hư phế. Trong niên hiệu Càn Đạo (?) thời nhà Tống chúng ta, có Đạo sĩ Đặng

Thời Vĩnh và Đạo Nhân Hoàng Thủ Chánh phát tâm khai phát núi chặt cây, cắt cỏ chiêu mộ các bậc Hiền thiện cùng xây dựng lại điện đường, cầu mưa đảo họa, đều có cảm cách, các dã nhân ở am cũng dần đượm nhuần Đạo hóa.

*** Động Dương cung.**

Động Dương cung tại phía Tây bắc núi Thạch lẫm, là nơi thí chân nhân nhiếp phục quỷ hội chân. Trong thời tiền Đường, có Trần Pháp Minh ứng chiếu trở về lại dưới núi đó khai phá hang dựng lập đàn, được thần núi thần vì hộ giúp, qua phía Nam mong ngóng vân dương, sớm tối châu chân, đọc tụng động kinh, về sau đượm phục đan mà huyền hóa, nay hiện còn có nền móng. Xưa trước cũng có am vũ.

*** Động Môn quán.**

Động Môn quán tại phía Tây núi Thạch lẫm; thuộc dưới phía Nam núi Thạch lựu, cách miếu khoảng 20 dặm. Xưa kia, Thí chân nhân hứ là Tôn, tự gọi là Hồ Phù tiên sinh, hoặc nói là Uyển bồn tử sư Hoàng lô tử đắc đạt nội văn của Tam Hoàng, thuật phục ngự hổ báo, pháp độn biến hóa cảnh, hoặc ẩn hoặc hiện trong vài trăm năm, mền mộ cửa động Thạch lẫm, đó là nơi chốn của ta xung chân, bèn đến ở đó. Lại đến nơi Thạch thất tại phía Tây của núi tạo dựng cá, vòng quanh giữa không khoảng hơn 10 trượng. Lúc đi ra thì cưỡi con báo sắc trắng, hoặc đi bộ quanh núi, con Báo cũng liền nghinh đón theo, Tiên thần núi biển có lúc nhóm tụ. Trong cảnh vực có người kính mộ, nhưng ít được đến gần trông xem. Đến ngày mồng 07 tháng 04 năm Vĩnh Khương thứ nhất (300) thời Tây Tấn, cưỡi con Báo mà bay lên trời. Đến năm Trạng Hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) ban sắc phong hiệu là xung hòa kiến tổ chân nhân. Lại có Lý Xương lợi tiên sinh vốn người đất Thục đến nương ở đó vài năm rồi đến Động Thiên bảo, nay chỉ còn có hang Khống chế Báo, và các nền móng khác cũng hiện còn. Trong thời tiền Đường, có Trương Cửu Linh đến cửa Động ghi đề thơ nơi Đài Đan của Trần chân nhân rằng:

*“Gà gối đầu tây bèn mở cửa
Trần Thị Đan bay bỏ nhận đài
Nam xưa đuổi quỷ thể thật chẳng
Đến nay còn nói quỷ cấm mày”.*

*** Thái Bình quán.**

Thái Bình quán ở phía Tây miếu cách 25 dặm tại dưới núi Bạo Bốc, ở thời nhà Tề, có chữ bá ngũ tụng Thái bình kinh và hành Đạo Thái bình, vâng phụng sắc ban tạo dựng Thái Bình quán, nay đã bị hư phế,

xưa trước cũng có am vũ.

*** Chùa Tụ Phong.**

Chùa Tụ Phong tại dưới núi Bích tụ cũng đã hư phế từ lâu.

*** Tây Đài quán.**

Tây Đài quán tại phía Tây bắc chùa Tụ phong. Tương truyền là do Chu Mục Vương tạo dựng. Đến thời nhà Trần cải đổi là Thái sơ quán. Lại có thuyết nói là sau đó làm thành chùa cũng đã hư phế từ lâu.

*** Chùa Bạch Vân Hưng quốc.**

Chùa Bạch Vân Hưng quốc tại phía Tây của miếu cách 22 dặm, là nơi an táng di cốt của Thiền sư Thiên ở Nam Đài, vua Tuyên Tông (Lý Thâm) thời tiền Đường ban phong thụy hiệu là “Vô Tế Đại sư”. Thấy ở gần tháp có 2 văn bia dấu tích sắc đen, do Bùi Hưu Tướng Quốc ở thời tiền Đường tạo dựng nên vậy.

*** Chùa Sở An.**

Chùa Sở An tại phía Tây của miếu cách 20 dặm, ở trên núi song phong, là nơi xưa kia có vị Thiền tăng yên tọa. Theo “.... ký” nói là phía Bắc núi đó có ngôi thạch thất, có người ẩn dật ở đó, chỉ nghe tiếng tụng kinh. Đến trong niên hiệu Quảng Minh (880-881) thời tiền Đường gặp phải hoạn nạn bèn theo hướng Bắc vào núi Đại Tây.

*** Chùa Đa Bảo.**

Chùa Đa Bảo tại phía Tây nam của miếu cách 18 dặm, xưa trước gọi là chùa Tư Phước. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Thái Tông (Triệu Quýnh) cải đổi ban sắc biển ngạch như hiện ngày nay vậy.

*** Chùa Song Phong.**

Chùa Song Phong tại phía Tây miếu cách 25 dặm, núi tròn xoay quanh tởng trạnh như thành quách. Đường lên núi quanh co khúc khuỷu đi khoảng 1 vài dặm, cây rừng che phủ ánh sáng dật dần đến sâu xa. Tại phía Tây của hang Thập Huệ. Xưa kia có Cao tăng Huệ Đản ở trong hang, mọi sự thường do Thập Huệ cung cấp, nên xưng gọi là hang Thập Huệ, thường có 2 con hổ tên là Đại không và Tiểu không, mỗi lúc Thập Huệ bỏ củi gánh nước, hai con hổ mang vác vế hang, như người sai sử lo mọi việc gần xa, song không người nào dám sang đó. Chùa được xây dựng trong niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời tiền Đường đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Cao tông (Triệu Quýnh) ban sắc biển ngạch y như cũ. Ở phía Bắc có dòng thác đổ, cảnh sắc rất khả quan.

*** Chùa Vân Long.**

Chùa Vân Long tại dưới núi Vân Long, đã bị hư phế từ lâu. Lại có nền móng của Tây chân quán.

*** Chùa Thừa Thiên.**

Chùa Thừa Thiên tại phía Tây miếu cách 15 dặm vốn hiệu là chùa Thượng Nham. Trong niên hiệu Đại trung tướng phù (1008-1017) thời Bắc Tống, vua Chân Tông (Triệu Hằng) cải đổi ban biển ngạch là chùa Năng nhân, cảnh sắc khác thường, khe nước phun tràn, bậc đá cao vút, cây cỏ tốt rợp trước sau như nhau, đối diện trước mặt có 1 tảng đá tướng trọng như bức bình phong. Nền móng nhà sách xưa cũ của Vi Dã ở thời tiền Đường vẫn hiện còn và thường có loài dã nhân ở đó. Và có tháp Hòa thượng Thập Huệ vẫn hiện còn. Tương Tăng có bài thơ vịnh về chùa năng nhân rằng:

*“Chùa tại trong tầng mây
Thu sâu mộng chuyển nhọc
Trước hiên hai khe dốc
Ngoài cửa một núi cao
Chim cốc phiên nhạc mới
Tùng núi gọi sóng chiều
Bao giờ rủ áo đi
Gối dài nghe tiêu tao”.*

*** Chùa Vân Phong.**

Chùa Vân Phong tại phía Tây miếu cách 7 dặm, do Mã Thị tạo dựng trong khoảng niên hiệu Thiên Phước (936-944) thời Hậu Tấn (Ngũ Đại), gần đây đã bị hư phế. Bên cạnh có khe Thuấn, phía trước có miếu Thuấn, phía Tây có động Thuấn. Ao Pháp Võ, hang Khổng Tước. Phía sau có nơi Triệu Khiên mặc bơi lội đến dừng nghỉ. Về phía Tây bắc có nền móng điện Vương Mẫu. Phía dưới có tảng đá khắc hình tượng chân nhân, nơi vương thị thoát giải thay.

*** Chùa Thọ Quang.**

Chùa Thọ Quang hiện còn nền móng, về phía Đông có nền móng chùa ni. Phía Nam có động rồng.

*** Chùa Chỉ Quán.**

Chùa Chỉ Quán tại phía Tây của miếu cách khoảng 5 dặm gồm nơi đường lớn, được tạo dựng trong khoảng niên hiệu Hiển Đức (?) thời nhà Tống (?), có tháp của Đại sư Từ Quang; người xứ đất Ngô. Xưa trước gọi là chùa Tháp Thiền Lâm. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Cao Tông (Triệu Quýnh) cải đổi ban sắc biển ngạch là chùa chỉ quán, cùng chùa An Lạc, Bảo Phước

và nhiếp thọ cả 4 chùa chuông khánh giao âm, tùng trúc xanh phủ. Thái Đường Bác sĩ Lã Thọ có lưu lại bài thơ ghi về động Thuấn rằng:

*“Ngàn xưa dấu vết nay hiện còn
Nam Tuần Thánh ý trọn ra sao,
Tám nguyên đồng bạn nhờ ân nặng
Tức là Hồ phi hận lệ nhiều”.*

*** Chùa An Lạc:**

Chùa An Lạc tại phía Tây miếu cách khoảng 5 dặm, xây dựng trong năm Thanh Thái thứ 2 (thuộc triều đại nào?)

*** Chùa Nhiếp Thọ.**

Chùa Nhiếp Thọ tại phía Tây miếu cách khoảng 5 dặm, xây dựng trong khoảng niên hiệu Thiên giám (502-520) thời Nam Lương. Tại chùa có suối Nhất chước.

*** Chùa Bảo Phước.**

Chùa Bảo Phước, gần đây đã bị hư phế.

*** Tử Hư các.**

Tử Hư các, các miếu về phía Tây khoảng 3 dặm, tại dưới phía Nam núi Thiên trụ, được tạo dựng trong khoảng niên hiệu Thiên Bảo (742-756) thời tiền Đường, Mã Thị y cứ Hồ Tương có sửa sang tu bổ lại. Đến trong niên hiệu Thiên Thánh (1023-1032) thời Bắc Tống, lại có được sắc chỉ của vua Nhân Tông (Triệu Trinh) sửa sang lại, trước sau chỉ gọi là Ngụy Các. Trong niên hiệu Cảnh Hựu (1034-1038) thời Bắc Tống, vua Nhân Tông mới ban sắc biển ngạch với 6 chữ là “Tử Hư Nguyên Quân Chi Các”, đồng thời cấp tặng lễ phục tốt đẹp và Tiền, đặt ruộng để cung cấp cho Đạo chúng. Về sau, đến năm Chánh Hòa thứ 5 (1115) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) lại cải đổi ban sắc hiệu là “Hoàng Đình Quán Các”. Phía dưới có Thạch đàn rộng hơn 1 trượng, danh phi lưu đàn. Theo “Cựu ký” nói là: “Xưa kia, phu nhân từ Phủ châu cưỡi đó bay đến trong tương đây”. Theo “. . . ký” nói là: Đàn cao hơn 1 trượng, xưa kia Nguyên Quân cưỡi xe gió đến đó ngồi nghỉ. . theo Đỗ Thiên sư Thập Di nói là: Đàn của phu nhân là 1 tảng đá vuông rộng hơn 1 trượng, phía trên rộng tròn, phía dưới nhỏ nhọn cắm tựa vào trên 1 tảng đá khác, phàm chỉ 1 người đưa tay thử xô đẩy thì lay động, nhưng nhiều người cùng dốc sức xô đẩy thì lay động, nhưng nhiều người cùng dốc sức xô đẩy trọn không lay động. Mọi người đi đến chí thành thanh khiết đốt hương dùng ngón tay đụng nhẹ liền lay động. Nay tại núi Phủ châu có hang huyết sâu rộng, tướng trạng như đá, có thuyết nói là: Xung tịch nguyên quân ma cô đưa phu nhân cưỡi mây đến đó, mây

roi hóa thành Đá vậy. Lại thuyết khác nói là: Đá ma cô tại trên núi ở phía Tây của Quán. Căn cứ theo “Nội truyện” nói là: Phu nhân vốn dòng họ Ngụy, húy là Hoa Tồn, tự là Huyền An. Người xứ Nhậm thành, tức là con gái của Tả Bộc Xạ Ngụy Thư ở thời vua Võ Đế (Tư Mã Viêm 265-290) thời Tây Tấn. Được phong chức là Thượng chân ty mạng tử hư nguyên quân. Lại thêm tên núi mà phong vị ước đồng chư hầu. Xung tịch nguyên quân ma cô vì ngụy phu nhân mà giúp cai trị. Nay tại phía trên quán cũng có tượng của ma cô xếp bày cùng với phu nhân. Năm Hàm Hòa thứ 4 (329) thời Đông Tấn. Thái Nhất Nguyên Quân cưỡi xe gió nghênh đưa phu nhân bay lên trời. Phu nhân có Linh Văn Bí yếu gần hơn trăm quyển cất chứa trong hang đá động Long chân. Nên gọi đó là hang Linh thư. Thời bấy giờ có 1 cụ già vốn dòng họ Bàng đến lễ bái mà thưa rằng: “Xin giữ Linh đàn để được nghe pháp ngữ”. Đại tiên quát mắng bảo: “Người thuộc loài súc vật tanh nồng hôi hám nên gây vạ dịch bệnh cho dân chúng trong cảnh vực ư?”. Bèn rút kiếm ra chém, xua đuổi chạy đến ngấm trốn tại khe ở phía Tây. Nay, đó tức là động Long chân vậy. Trong niên hiệu Khai Bảo (968-976) thời Bắc Tống, có các chư Đạo sĩ Suất Tử Liêm đắc Đạo, giải thay. Sự việc cụ thể như ở quyển Hạ.

** Tây Linh quán.*

Tây Linh quán tại phía Tây miếu cách khoảng 2 dặm. Theo “Tương Trung ký” nói là: Ở thời nhà Tấn, đó là nơi Nữ Trinh tiết luyện sư xung cử. Đến năm Thiên Giám thứ 5 (506) thời Nam Lương mới tạo dựng thành quán. Về sau Công chúa của Chu Võ Mục tức là Chu Huệ Biện, vừa mới sinh mà có ánh sáng khác lạ khắp đầy phòng nhà, thuở bé không ăn các thứ rau tanh nồng, lúc trưởng thành Niết-bàn nghĩ suy muốn ở 1 mình, mện mộ chí khí của Nguyên Quân Tiết Luyện Sư Hầu Tiên Cô, nhân đó mà đến ở thạch thất, cảm được Tây linh Thánh mẫu giáng hiện truyền cho kinh lục, Đạo tu Tam Tố, cảnh của Đàm Hành. Các hàng sĩ nữ kính mộ có đến vài trăm người. Gặp đời sắp loạn lạc, bèn bảo cùng các người học rằng: “Ta sẽ tạm đi xa, ước hơn trăm năm sau sẽ trở lại”. Các hàng hậu học đông nhiều như chợ. Đầu niên hiệu Khai Nguyên thời tiền Đường (713), vua Huyền Tông (Lý Long Cơ) ban sắc biển ngạch hiệu là “Tây Linh”. Về sau có Nữ quán Lý Thái Chân Tào Diệu Bản đều tiếp gót mà đến và đắc Đạo. Tức nơi thường ở ngày nay là nơi xả thí của Chu công chúa vậy. Quán đã bị hư phế từ lâu. Mã Thị tạo dựng lại. Đến trong triều đại nhà Tống chúng ta đặc biệt ban sắc mỗi năm độ 1 nữ quán để tiếp tục lo việc đốt hương tu luyện vậy.

* *Hang Tịnh cư.*

Hang Tịnh cư tại sau chùa Giác Hải, cách huyện về phía Tây 2 dặm, suối bay phun nước tiếng vọng hưởng, cây xưa cũ giao bóng, đường đá khúc chiết. Phía trên hang có cây A-la-quả. Xưa kia, có người rảo bước đi đến đó, thấy dưới hang có 1 lão Tăng tướng mạo cao vợi, thân mặc áo nạt rách nát, nhân đó hỏi han mà chẳng đoái hoài, gầy lâu mới bảo là: “Đây là trời Tịnh cư vậy”. Bồng đưa tay chỉ và nhìn quanh 4 phía rồi biến ẩn mất. Tại hang có đình Tả Hồng. Hiến sứ Trương Công Thọ có 1 bài thơ rằng:

*“Rì rì bậc đá suối tả Hồng
Theo đường thang Đạn vào khói tía
Hang có cao nhân chẳng hỏi chốn
Am la tỏa bóng biếc trời khung”.*

Tuy gần thành quách mà có cảnh ngoài trần. Lại nữa, phía sau núi có cái hang loài giao, có Tăng sĩ Tông Dự ở trong Uổng sơn lúc đầu mới đến đó, thích cảnh thuyết nhân rộng thoáng mới dựng am để ở, có người phụ nữ qua vài lần nhiều loạn, do vậy Tông Dự bèn lánh bỏ đến chùa hang chẳng dám ở lại đó. Năm Thiệu Hưng thứ 11 (1141) thời Nam Tống, có Tăng sĩ Thiện Đông bắt đầu đến ở đó, mời đầu phòng ốc chỉ có vài gian. Có Du Tăng Diệu Ấn vừa 28 tuổi ở đó, người phụ nữ lại cùng giao hợp, đến sáng ngày từ eo lưng trở xuống thấy đều như băng, sau vài ngày thì qua đời. Lại có Hành giả Tổ Uyên đi chặt cây gỗ trong núi, mê lạc đường chẳng thể trở về. Qua 5 ngày sau mọi người đi tìm bỗng thấy ở trong hang hổ già mà nói rằng: “Có 1 người phụ nữ bảo ở đây, nay ra tìm kiếm trái quả để cho tôi ăn”. Miệng hang rất chật hẹp, chỉ dung chứa được 1 thân người, nhưng bên trong rất rộng thoáng. Đó là hang huyết của giao vậy. Tổ Uyên trở về cũng cảm mắc bệnh. Ngày rằm tháng 4 năm đó, gió mưa bao đến, khắp núi đều tối đen, sấm sét đánh nổ quanh ở ngoài thất. Tăng sĩ Thiện Đông vốn không ngủ, an tọa trong khám, đã qua nửa đêm, bật đèn sáng nghe có tiếng ra dưới khám như bể trống, nhưng trông nhìn kỹ thì đó là 1 con trăn lớn đang cuộn quanh vài vòng, đuôi còn ở ngoài cửa. Thiện Đông gọi bảo chúng Tăng dùng gậy đánh xua đuổi. Con trăn ấy đi rồi trở lại, chực Tăng lại đánh đuổi đó, con trăn bèn chạy vào nơi khe hở của tảng đá lớn, muốn vào chốn chết. Nước ở núi dần lớn lên Hành ốc đã quá nửa thất, thế rồi trăng sao tỏa sáng, gặt hỏi trông xem thì con trăn đó đã chết, thân dài cả trượng 2, chu vi lớn khoảng vài thước, thân thể toàn sắc đen có đường văn hoa vuông. Ngày đó Tổ Uyên cũng phát cuồng tướng trạng

tỏ vẻ như vui mừng như luyện tiếc, vài ngày sau cũng chết. Trước sau chư Tăng bị hại có đến 8 vị. Trước đó mỗi lúc vào đêm núi liền đen tối, tuy có trăng cũng vậy. Từ đêm con giao đó chết, sắc núi mới tỏa sáng. Nay hiện có ngôi tháp vài tầng, phòng ốc có vài gian và Tăng sĩ có vài chúng bạn.

*** Chùa Đâu Suất.**

Chùa Đâu Suất do vị trụ tướng quốc dựng lập ở thời tiền Đường. Đến trong triều đại nhà Tống chúng ta mới ban sắc biển ngạch là chùa Tịnh Phước, chùa gối lưng bến sông Tương, phía dưới có đầm xưa cũ. Nước nhà thả rồng vàng nơi nhà sách của Vi Trụ đó, chư Tăng trong chùa thường luôn sửa sang không ngưng dứt, để lấy làm cảnh đẹp cho những người bơi lội thuyền bè đến trông xem. Ở phía Tây có miếu Thần Hác than. Tương truyền rằng: Xưa kia Hòa thượng Thạch Đầu tọa thiền tại đó, tiếng nước réo rắt om sòm tai, đó là bởi thần la hét vậy. Cách Nhạc sơn tuy xa nhưng sự việc ở đây cũng nên đáng ghi vậy. Trong khoảng niên hiệu Trị Bình (1064-1068) thời Bắc Tống, có vị chủ Bộ vốn dòng họ Đặng, nhân ngày nhà rỗi phỏng tìm đến nơi suối đá đẹp xinh, nhân đến chùa đó, kéo chống gậy muốn leo lên núi, bỗng nghe có mùi thơm của cây hoa khác thường, đưa mắt trông nhìn, thấy giữa lưu chùng núi có lầu đài cao thấp, vàng ngọc soi rọi lẫn nhau. Phía trên có tảng bia đề là “Từ Hồ Chân Nhân Chi Động”. Đặng mới kinh ngạc gọi Thư Lại Đàm Anh cùng trông xem đó, khoảnh khắc bèn ẩn mất. Theo “. . . kỳ” nói: Đó là cửa phía nam của Chu Lăng động thiên vậy. Liệu xử sĩ có thư trai tại bến Tương giang. Đồ Ngưng Dung đã qua vài đời khéo giỏi văn thơ. Từ cuối niên hiệu Vân Hựu (?) thời nhà Đường đến ở đó. Nay hiện có “Ngũ Phong Tập” lưu hành ở đời, từng làm thơ nói rằng: “Mua được Hành châu mười dặm xanh” là đó vậy. Cây nước lắng đẹp, đất gần mà cảnh xa, thật là bộ giáp áo mào của Tương Trung vậy.

2. NHẠC SƠN SINH SẢN CÁC LOẠI CÂY TRÂN QUÝ:

- Cây hương nam
- Cây hoàng tâm
- Cây huyết bách
- Cây phỉ tử
- Cây ngân (kiên bạch)
- Cây tử (làm đàn)
- Cây sơn chá
- Cây thổ trọng (có thể sung làm quân gáp)

- Cây ngô đồng
- Cây linh thọ
- Cây hoàng dương
- Cây thiên liệu.

3. NHẠC SƠN SINH SẢN CÁC LOẠI THUỐC TẠP (phụ lục sơ quả)

- Hương bạch chỉ
- Sài hồ
- Sơn đậu căn
- Tần bì
- Võ dư lương
- Thạch yển tử
- Thược dược
- Tiên linh tỳ
- Vân mẫu
- Hoàng dược tử
- Bạch dược tử
- Ô dược
- Thạch xương bồ
- Lương cương
- Ngũ vị tử
- Hà thủ ô
- Đại phong đằng
- Mạch môn đông
- Thiên môn đông
- Cửu quyển
- Hương giao
- Lộ lô
- Bạch cập
- Tiên lữ
- Bạch truật
- Khổ sâm
- Quế tân
- Sơn từ cô
- Ngô thù du
- Sơn khung
- Xuyên ô

- Tục tùy tử
- Oanh lật
- Cảo mộc
- Phục linh
- Thiên nam tinh
- Tử kim đằng
- Sơn đại hoàng
- Bán hạ
- Dương quy
- Bách bộ
- Biên trúc
- Cù mạch
- Cúc hoa
- Mã đầu linh
- Bách hợp
- Đại ngao
- Tế tân
- Hoàng tinh
- Võ ty tử
- Tỳ giải
- Ngũ bộ tử
- Qua lâu
- Tục Đoạn
- Thiên niên nhuận
- Mộc tặc
- Vông thảo
- Sơn ngô
- Quyển bách
- Quán chúng
- Địa du
- Ý dĩ
- Hải kim sa
- Thạch phát
- Bồ-đề tử
- Trà
- Thì la
- Vạn tuế đằng
- Phì trư

- Thích vị
- Xuyên sơn giáp. Thái
- Thái thanh
- Phỉ tử
- Sơn hồ tiêu
- Sơn cai đào
- Sơn lệ chi
- La-hán quả
- Anh đào
- Sơn quế tử.

4. NHẠC SƠN SINH SẢN CÁC LOẠI HOA LẠ:

- Hoa sa-la
- Hoa hồ điệp 5 sắc
- Hoa bạch đình hương
- Hoa sơn thạch lựu
- Hoa sơn anh
- Hoa tử kinh
- Hoa phù dung
- Hoa nham quế
- Xuân lan
- Thu lệ
- Kim phụng
- Ngân phụng.

5. NHẠC SƠN SINH SẢN CÁC LOẠI CỎ HƯƠNG:

- Giáng chân hương
- Sơn đàn hương
- Thanh mộc hương
- Thạch nhũ hương
- La-hán hương
- Hoàng liên hương
- Đâu lâu hương
- Phong hương.

6. NHẠC SƠN SINH SẢN CÁC THỨ CỎ LINH:

- Thiên lân thảo
- Kim lộ bàn

- Hạnh diệp kim tuyến
- Ngân lục thảo
- Tỷ hà xa
- Kim bạch thảo
- Tử bối thiên quỳ
- Thiên hà thảo
- Tử cần thảo
- Trường phát thảo
- Địa bất dung thảo
- Kim tương thảo
- Vạn niên tùng
- Tiên nhân thảo
- Trọng đài kim tuyến
- Long tu thảo
- Tử bối hổ nhĩ
- Tử bối hổ thiệt
- Cẩm bối long thiệt
- Bức hà tiên
- Tử bối long nha
- Tử bối quá giản
- Cẩm bối thạch vi
- Độc giác tiên
- Kim tinh phụng vĩ
- Kim tinh thạch vi
- Thạch tâm
- Sơn phỉ.

7. NHẠC SƠN CÓ CÁC LOẠI CHIM LINH THÚ LẠ .

- Chim âm thanh (bay liệng thành đàn, lông cánh 5 sắc, châu ánh sáng mặt nhật nhóm tụ kêu hót, âm thanh như trướng nhạc)
- Chim sơn thước (bắt nó rất khó)
- Chim linh cữu (lông cánh sắc màu như gấm)
- Chim viên (chỉ hót lúc sáng sớm và chiều tối, như vượn hú).
- Chim bạch nhàn
- Chim sơn giá
- Gà cầm
- Gấu ngựa
- Gấu heo

- Gấu chó
- Vượn
- Trúc lừ
- Kỳ hổ
- 2 con hổ đi tuần núi
- 2 con quạ bảo hộ quán.

NAM NHẠC TỔNG THẮNG TẬP QUYỂN TRUNG
(HẾT)

